



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG

TÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



“THAY ĐỔI ĐỂ BỨT PHÁ”

Không ngừng cải tiến tư duy và công nghệ, nâng cao dịch vụ để luôn phát triển và phục vụ khách hàng ngày càng tốt hơn. Chúng tôi luôn hướng tới môi trường sản xuất xanh, sạch, an toàn và chất lượng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.



THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ

MÁY QUẢN LÝ

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC RỦI RO





THÔNG TIN KHÁI QUÁT





CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

**Giấy chứng nhận đăng ký
doanh nghiệp số**

0301446260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ
Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 09 ngày 05/02/2016, cấp
lần đầu ngày 24/09/2003

Vốn điều lệ

: 442.000.000.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

: 442.000.000.000 đồng

Địa chỉ

: Số 22 Đường Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM

Số điện thoại

: (028) 3829 6620

Số fax

: (028) 3824 3166

Website

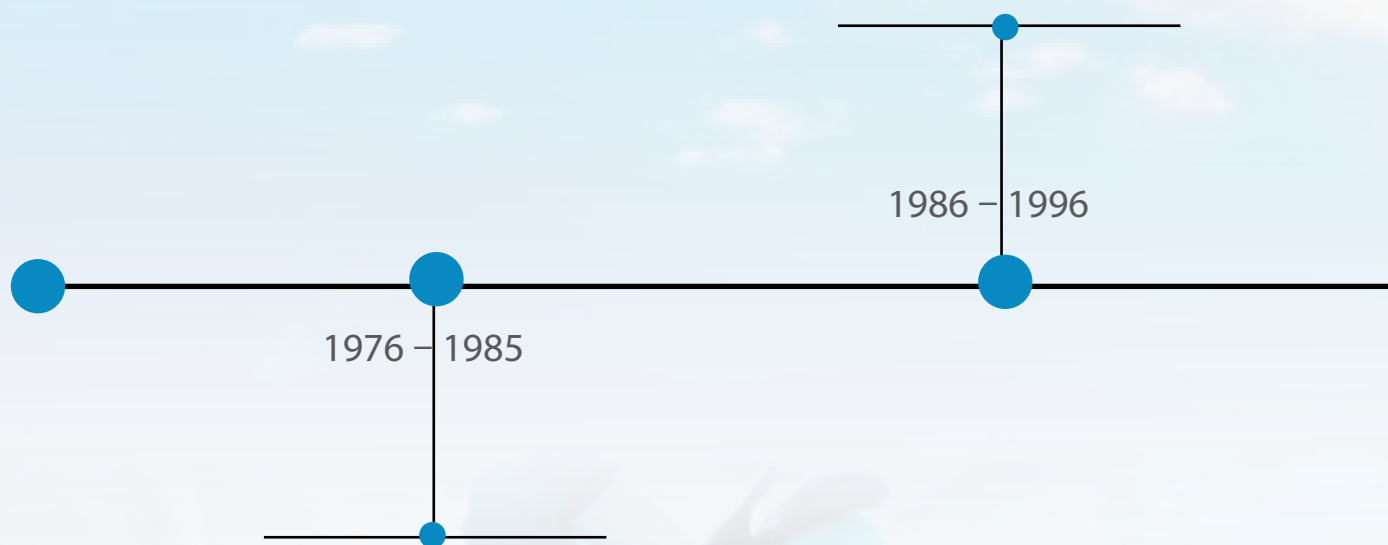
: www.sochemvn.com

Mã chứng khoán

: CSV

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Ngày 13/02/1993 Bộ Công nghiệp nặng ra Quyết định số 64/CNNg/TC về việc thành lập lại Công ty Hóa chất Cơ bản miền Nam và các đơn vị trực thuộc.



Công ty Hóa chất Cơ bản miền Nam được thành lập vào ngày 21/07/1976 theo Quyết định số 240/HC của Tổng Cục Hóa Chất bao gồm 04 đơn vị trực thuộc là Nhà máy Hóa Chất Biên Hòa (VICACO), Nhà máy Hóa Chất Tân Bình (COPHATA), Nhà máy Hóa Chất Đồng Nai và Nhà máy Hóa Chất Thủ Đức.

NHỮNG THÀNH TÍCH NỔI BẬT

Trong quá trình hình thành và phát triển, Công ty không ngừng cải tiến tư duy và công nghệ, nâng cao dịch vụ để luôn phát triển và phục vụ khách hàng ngày càng tốt hơn, hướng tới môi trường sản xuất xanh, sạch, an toàn và chất lượng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Vì vậy, các sản phẩm hóa chất vô cơ cơ bản của công ty luôn có chất lượng cao, giá cả phù hợp và thân thiện với môi trường, được khách hàng đánh giá cao. Bên cạnh đó, công ty còn được các cấp chính quyền ghi nhận những đóng góp vào quá trình xây dựng và phát triển đất nước với nhiều bằng khen và huân chương cao quý.

Từ sau cổ phần hoá Công ty bước vào giai đoạn phát triển ổn định. Đây là thời gian Công ty nhanh chóng đẩy mạnh đầu tư máy móc thiết bị mới, mở rộng nhà máy... nhằm chuẩn bị cho giai đoạn phát triển tiếp theo khi kinh tế đất nước hội nhập sâu rộng, phát huy hết công suất đáp ứng nhu cầu thị trường.

2006 – 2013

2014 – NAY

Ngày 20/08/2012 Tập đoàn Hóa chất Việt Nam ban hành Quyết định số 243/QĐ-HCVN về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản miền Nam lấy thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 0 giờ ngày 01/10/2012.

Căn cứ Quyết định số 248/QĐ-HCVN ngày 28/07/2013 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản miền Nam thành công ty cổ phần, Công ty đã thực hiện việc cổ phần hóa và hoàn tất việc tổ chức Đại hội cổ đông thành lập, chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301446260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 02/01/2014 với vốn điều lệ là 442 tỷ đồng.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam có thể được chia thành 03 nhóm chính:



Hoạt động Sản xuất, Chế tạo: Đây là loại hình kinh doanh chủ yếu của công ty, bao gồm Sản xuất hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp; Sản xuất vật tư, thiết bị ngành hóa chất; Chế biến các sản phẩm muối ăn dùng trong thực phẩm; Gia công, chế tạo, lắp đặt thiết bị chuyên dùng, đường ống công nghệ và đường ống dùng trong ngành cấp thải nước công nghiệp (không chịu áp lực – trừ tái chế phế thải kim loại, xi mạ điện, luyện kim đúc).



Hoạt động Buôn bán: Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị ngành hóa chất; Lắp đặt thiết bị chuyên dùng, đường ống công nghệ và đường ống dùng trong ngành cấp thải nước công nghiệp (không chịu áp lực – trừ tái chế phế thải kim loại, xi mạ điện, luyện kim đúc).



Các hoạt động khác: chủ yếu bao gồm khai khoáng và thiết kế chuyên dụng: Khai thác và chế biến khoáng sản bauxite; Nghiên cứu, thiết kế dây chuyền sản xuất hóa chất; Thiết kế thiết bị sản xuất hóa chất (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

Công ty tiêu thụ rộng khắp ở các tỉnh miền Trung – Tây Nguyên đến các tỉnh miền Tây Nam Bộ và TP.Hồ Chí Minh. Hiện nay Công ty đang từng bước mở rộng thị phần ra các nước trong khu vực.

CÁC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam là đơn vị chuyên sản xuất và kinh doanh hóa chất vô cơ cơ bản với hơn 40 chủng loại sản phẩm. Xét về mặt giá trị sử dụng có thể chia ra thành 3 nhóm như sau:



Nhóm hóa chất vô cơ cơ bản: Natri silicat các loại, Xút (NaOH) 20%-32%-45%-50%; Clor lỏng (Cl₂); Phốtpho vàng (P₄); Nhôm hydroxyt (Al(OH)₃); Axít Phốtphoric (H₃PO₄); Axít Sunfuric (H₂SO₄) 50%-98%; Axít Clohydric (HCl) 20%-32%-35%.



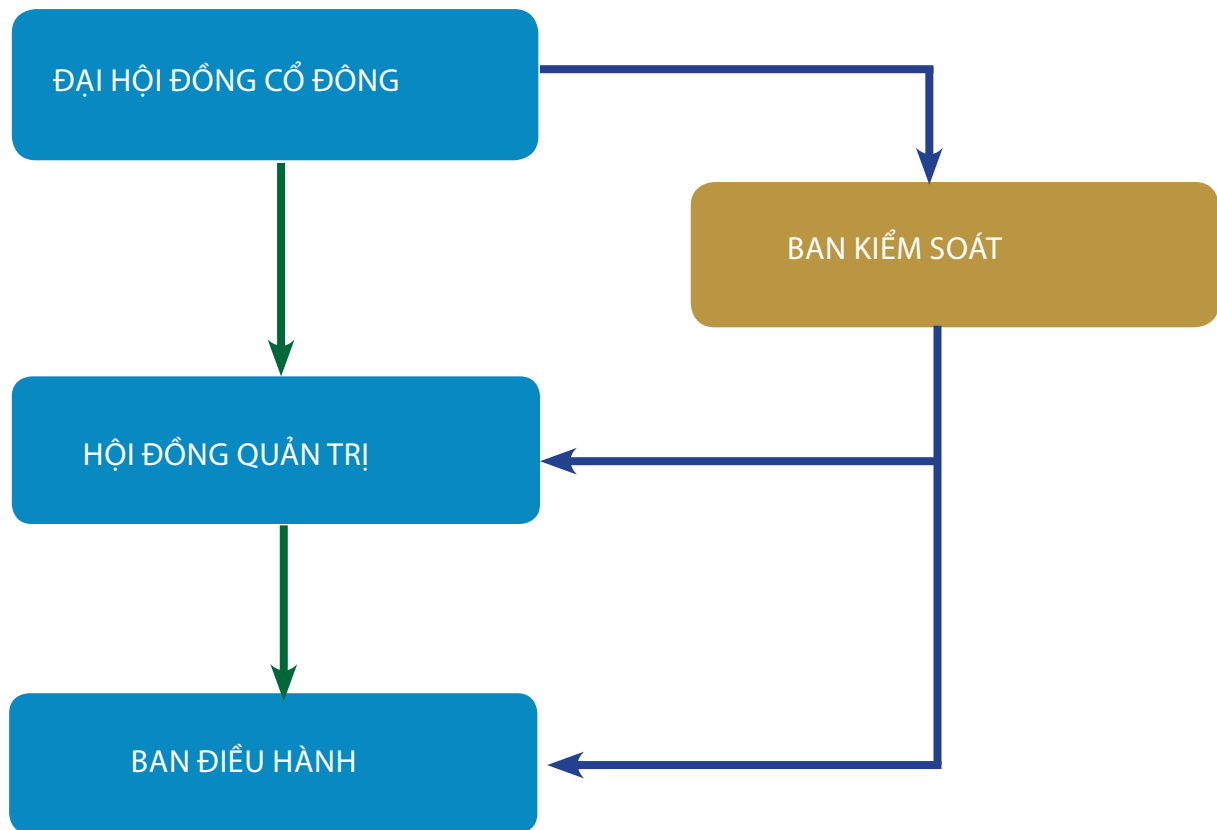
Nhóm hóa chất xử lý nước: Poly Aluminium Chloride-PAC 10%-17%; Phèn Nhôm sunfat 7%-15%-17%; Javel-Natri Hypoclorit (NaOCl); dung dịch Sắt III Clorua (FeCl₃) 38%-45%...



Nhóm các loại muối và hóa chất khác: Natri Phốtphát (Na₃PO₄); Natri Dihydrôphốtphát (NaH₂PO₄); Diammonium Phốtphát – DAP ((NH₄)₂HPO₄); Monoammonium Phốtphát – MAP ((NH₄)H₂PO₄); Canxi Clorua (CaCl₂); Magie Sunphat (MgSO₄); Natri Silicate các loại...



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



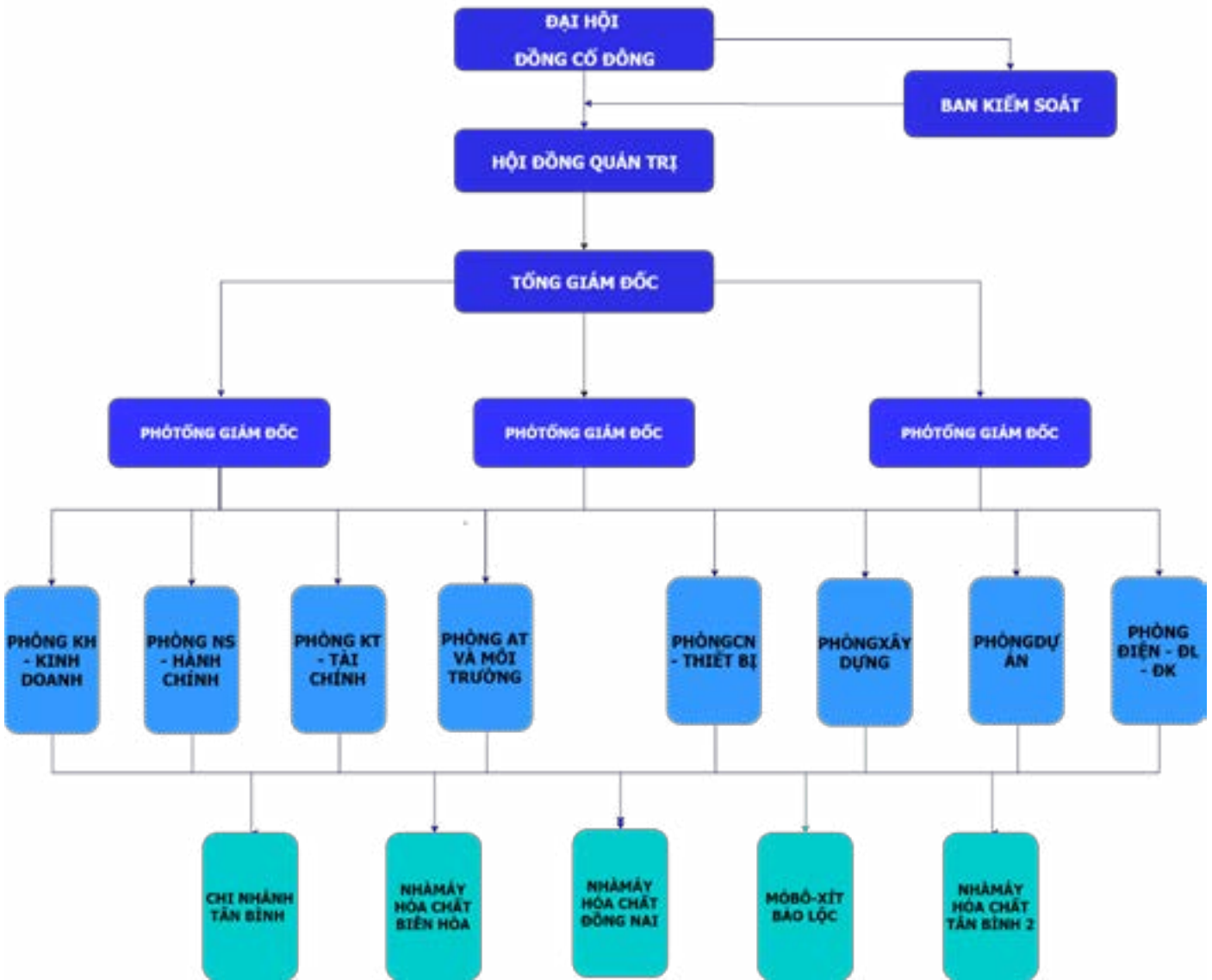
Công ty được tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Các văn bản pháp luật chi phối bao gồm: Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 và Luật chứng khoán sửa đổi số 62/2010/QH12, Điều lệ tổ chức và hoạt động và các quy định có liên quan đến các ngành nghề kinh doanh của Công ty

Đại hội đồng cổ đông: Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

Hội đồng quản trị: Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, thực hiện các nhiệm vụ quyền hạn theo quy định của Điều lệ công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Quy chế quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.

Ban Tổng giám đốc: Do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, thực hiện những chiến lược và kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua. **Ban kiểm soát:** Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty đồng thời chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



Bộ máy quản lý của Công ty bao gồm: Tổng Giám đốc, 03 Phó Tổng Giám đốc, 08 phòng ban chức năng, và 05 đơn vị trực thuộc.

- Tổng Giám đốc thực hiện các kế hoạch, các nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thông qua; chịu sự giám sát và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc là người đại diện trước pháp luật.
- Phó Tổng Giám đốc là người hỗ trợ cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về sự phân công trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn; chủ động giải quyết các công việc được Tổng Giám đốc ủy quyền và phân công theo quy định của Điều lệ công ty, Quy chế quản lý nội bộ.
- Các phòng ban thực hiện công việc theo chức năng chuyên môn, được xây dựng theo cơ cấu tinh giản, gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc đạt hiệu quả và năng suất cao. Các phòng ban của Công ty bao gồm Phòng Kế hoạch Kinh doanh, Phòng Nhân sự Hành chính, Phòng Kế toán Tài chính, Phòng An toàn và Môi trường, Phòng Công nghệ - Thiết bị, Phòng Xây dựng, Phòng Dự án và Phòng Điện – Điều khiển.
- Công ty hiện có 05 đơn vị trực thuộc, bao gồm: Chi nhánh Tân Bình, Nhà máy Hóa chất Biên Hòa, Nhà máy Hóa chất Đồng Nai, Mỏ Bô-xít Bảo Lộc và Nhà máy hóa chất Tân Bình 2.

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên công ty con : Công ty Cổ phần Phốt pho Việt Nam

Địa chỉ : KCN Công nghiệp Tăng Loỏng, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai

Điện thoại : (020) 3863488 – 3863161

Giá gốc : 41.807.143.278 đồng

Tỷ lệ góp vốn : 65,05%

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính : Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu phốt pho vàng và các hoạt động dịch vụ có liên quan đến sản phẩm phốt pho vàng

Công ty liên kết: Không có

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Công ty được thành lập nhằm mục đích huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm hóa chất cơ bản chủ yếu, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, đem lại nguồn lợi nhuận ngày càng tăng cho cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh. Trên nền tảng phát triển ổn định của hoạt động sản xuất và kinh doanh các sản phẩm hóa chất cơ bản chủ yếu, Công ty sẽ cân nhắc việc đa dạng hóa ngành nghề, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh khi có điều kiện thích hợp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh phát triển Công ty ngày càng vững mạnh.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- **Chiến lược thị trường:** Khai thác thị trường theo chiều rộng (phát triển mạng lưới đại lý, mạng lưới phân phối đối với những sản phẩm hiện có) và chiều sâu (phát triển thêm khách hàng ở thị phần hiện tại);
- **Chiến lược sản phẩm:** Tăng cường công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm để sản xuất ra những sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường. Tạo sự khác biệt thông qua năng lực cốt lõi: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO về môi trường

CÁC CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH NGẮN HẠN VÀ TRUNG HẠN CỦA CÔNG TY

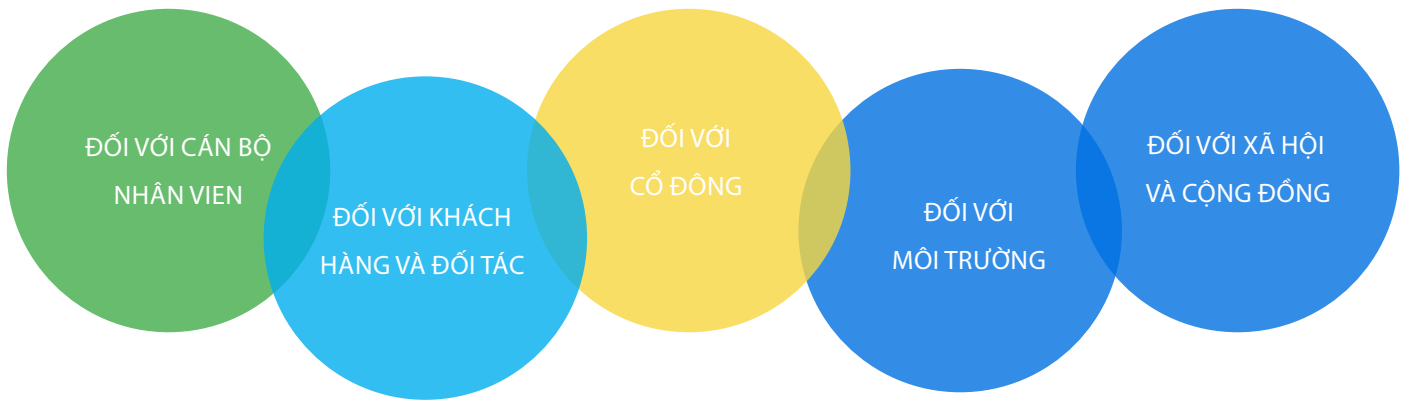
Định hướng phát triển của Công ty là tăng cường năng lực sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ và đảm bảo chất lượng sản phẩm với mục tiêu tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu của thị trường về các sản phẩm hóa chất cơ bản. Đây là nhóm sản phẩm có nhiều lợi thế, do đó công ty phát triển xu hướng tăng dần tỷ trọng các sản phẩm này trong cơ cấu doanh thu. Đây cũng là định hướng chung của ngành công nghiệp hóa chất.

Quan điểm phát triển ngành theo Quyết định số 676/QĐ-BCT ngày 06/03/2017 của Bộ Công Thương về việc Phê duyệt “Quy hoạch phát triển sản xuất các sản phẩm hóa chất cơ bản Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035” đó là:

- Phát triển sản xuất các sản phẩm hóa chất cơ bản phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, quy hoạch của địa phương, quy hoạch ngành công nghiệp hóa chất và các quy hoạch ngành, lĩnh vực liên quan đã được phê duyệt, phù hợp các quy định hiện hành.
- Phát triển sản xuất các sản phẩm hóa chất cơ bản trên cơ sở huy động mọi nguồn lực trong và ngoài nước, gắn liền với mục tiêu sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên trong nước, tăng cường thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư sản xuất hóa chất, phát huy lợi thế và tiềm năng phát triển của từng vùng, từng địa phương, đảm bảo tính khả thi và phát triển bền vững.
- Tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào một số sản phẩm hóa chất cơ bản có lợi thế cạnh tranh gắn với mục tiêu bảo vệ môi trường.

Với lợi thế là một trong những doanh nghiệp sản xuất hóa chất cơ bản hàng đầu tại Việt Nam và có định hướng đầu tư mở rộng, tập trung phát triển các sản phẩm hóa chất cơ bản chủ yếu, Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam đang phát triển đúng định hướng của Chính phủ về phát triển ngành Công nghiệp Hóa chất.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA CÔNG TY



Đối với cán bộ nhân viên

Nhân lực là nguồn chủ đạo có vai trò đặc biệt quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như sự phát triển của công ty. Trong suốt chặng đường hơn 40 năm qua, Công ty luôn chú trọng và khuyến khích công tác đào tạo, tự học hỏi để nâng cao tay nghề cho từng cá nhân một. Lĩnh vực hóa chất với yêu cầu khắt khe về mặt an toàn kỹ thuật thì năng lực của người lao động là điều kiện cần thiết. Bên cạnh đó, đời sống vật chất và tinh thần của người lao động luôn được công ty đặc biệt quan tâm. Công ty cũng thường xuyên tổ chức và phát động phong trào văn hóa văn nghệ, thể thao, phong trào thi đua sản xuất nhằm nâng cao tinh thần đoàn kết, cạnh tranh lành mạnh, góp phần vào sự tăng trưởng hiệu quả sản xuất kinh doanh toàn công ty.

Đối với khách hàng và đối tác

Mục tiêu của công ty là luôn mang đến sự hài lòng cho khách hàng khi sử dụng sản phẩm, dịch vụ của công ty. Với đặc thù kinh doanh hóa chất, sự an toàn cho khách hàng là ưu tiên hàng đầu của công ty. Do vậy, CSV đã tiến hành lập dữ liệu an toàn hóa chất cho mỗi loại sản phẩm, đồng thời phổ biến cách sử dụng, bảo quản và những lưu ý cần thiết nhằm hỗ trợ khách hàng sử dụng hiệu quả sản phẩm và giảm thiểu tối đa thiệt hại. Bên cạnh đó, công ty cũng đầu tư nghiên cứu nhằm không ngừng nâng cao chất lượng, tạo ra những sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu đa dạng của khách hàng.

Đối với Cổ đông

Ban lãnh đạo công ty luôn xác định rõ mục tiêu dài hạn là sự phát triển bền vững của công ty cũng như tối ưu hóa giá trị cho các cổ đông. Công ty chi trả cổ tức cho cổ đông sau khi kinh doanh có lãi và hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đảm bảo sự cân bằng và hài hòa



lợi ích của các bên với sự đồng thuận cao giữa cổ đông và người lao động. Nhằm đảm bảo cổ đông được cung cấp thông tin công khai và minh bạch theo quy định, đảm bảo quyền lợi nhà đầu tư, những thông tin liên quan đến Công ty được trình bày trên trang web Công ty tại địa chỉ: www.sochemvn.com

Đối với môi trường

Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam luôn theo đuổi mục tiêu vì một môi trường trong sạch và an toàn hơn cho tất cả mọi người. Nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường và vấn đề sức khỏe cho cộng đồng liên quan đến việc sử dụng các sản phẩm hóa chất, công ty đã không ngừng đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất tiên tiến, giảm thiểu các chất thải phát sinh, nâng cao các tiêu chuẩn an toàn sức khỏe nghề nghiệp cho người sản xuất hóa chất. Có trách nhiệm với môi trường và cộng đồng là cam kết hàng đầu mà Công ty luôn tuân thủ.

Đối với xã hội và cộng đồng

Đối với công ty, hoạt động xã hội và những cống hiến cho cộng đồng hoàn toàn không nhằm mục đích đánh bóng tên tuổi mà xuất phát từ ý thức của một tập thể có trách nhiệm muốn đóng góp một phần vào sự phát triển phồn vinh của đất nước. Xây dựng và phát triển tinh thần trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và cộng đồng cũng là những viên gạch đầu tiên đặt nền móng cho mục tiêu phát triển bền vững của Công ty. Tham gia, tài trợ cho các hoạt động xã hội, từ thiện, Công ty mong muốn xây dựng nét văn hóa hướng thiện, đồng thời nâng cao đời sống tinh thần, tạo sự gắn bó và đoàn kết trong toàn thể ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên, vì mục tiêu ổn định và phát triển lâu dài.

CÁC YẾU TỐ RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Rủi ro tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng GDP năm 2017 ước đạt mức 6,81%, vượt chỉ tiêu 6,7% do Quốc hội đề ra và là mức cao nhất trong một thập kỷ vừa qua. Đóng góp chủ yếu là khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản phục hồi tăng 2,9% (cao hơn mức 1,36% năm 2016), góp 0,44 điểm phần trăm vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8%, góp 2,77 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ 7,44% góp 2,87 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung nền kinh tế. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp năm 2017 tăng 9,4%, cao hơn nhiều so với mức tăng 7,5% của năm 2016. Trong các ngành công nghiệp, chế biến - chế tạo là ngành đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng chung và tăng 14,5%, mức cao nhất trong 6 năm trở lại đây.

Là một công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm hóa chất là nguyên liệu đầu vào của nhiều ngành công nghiệp, có thể nói, môi trường kinh tế vĩ mô có những ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tình hình kinh tế được cải thiện có tác động tích cực đến các ngành kinh tế, riêng đối với ngành hóa chất, nhu cầu hóa chất trong công nghiệp, nông nghiệp và tiêu dùng đều tăng và do đó tạo lực đẩy đối với tình hình hoạt động của Công ty. Đây là thời điểm mà Công ty cần đề ra những chính sách phát triển đúng đắn nhằm tối đa hóa những lợi thế sẵn có, kết hợp với những thuận lợi từ bên ngoài, nghiên cứu nâng cao chất lượng sản xuất và quy trình tiêu thụ sản phẩm, từ đó ổn định sản xuất, tăng trưởng lợi nhuận và nâng cao vị thế trong ngành.

Lãi suất

Lãi suất cho vay trong năm qua đã giảm nhưng chưa được như mong đợi do nhiều nguyên nhân. Nợ xấu còn cao (theo tính toán, tỷ lệ nợ xấu của ngành ngân hàng là 9,5%) nên các ngân hàng đã phải trích lập dự phòng rủi ro, lấy lợi nhuận để bù đắp khoản vốn bị



mất, do đó, dư địa giảm lãi suất không lớn. Lãi suất huy động bình quân khá ổn định. Lãi suất huy động VNĐ kỳ hạn trên 12 tháng phổ biến ở mức 6,4-7,2%. Lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên đã giảm khoảng 0,5-1% so với đầu năm. Đối với khu vực sản xuất kinh doanh thông thường, lãi suất cho vay ở mức 6,8-11%/năm.

Những năm gần đây, tỷ trọng nợ vay của CSV dao động trong khoảng 15-30% tổng tài sản và đang có xu hướng giảm dần. Đây cũng là dấu hiệu tốt khi công ty đang giảm thiểu được áp lực chi phí lãi vay. Tuy nhiên, công ty vẫn luôn theo dõi chặt chẽ tình hình chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục tiêu vay vốn đầu tư. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh cũng được đẩy mạnh nhằm tăng vòng quay tiền tệ, tối ưu tỷ lệ tồn kho, cân đối sản xuất và tiêu thụ nhằm giảm thiểu tối đa áp lực đối với vốn lưu động.

Tỷ giá hối đoái

Năm 2017 vừa qua đi với nhận định được đưa ra là tỷ giá khá ổn định. Tính đến tháng



12-2017, tỷ giá trung tâm ước tăng khoảng 1,5-1,7% so với đầu năm. Trong khi đó, tỷ giá tại ngân hàng thương mại giảm khoảng 0,2% so với đầu năm. Có nhiều nguyên nhân giúp tỷ giá ổn định, như là: Đồng USD mất giá trên thị trường quốc tế (chỉ số USD Index giảm 9,1% so với đầu năm) dù Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã tăng lãi suất nhiều lần do tác động của chính sách chống thâm hụt thương mại; chênh lệch giữa lãi suất VND và USD vẫn còn ở mức lớn (khoảng 6-7%), nghiêng về việc nắm giữ VND. Huy động ngoại tệ tăng thấp, ước tăng 4% so với cuối năm 2016, trong khi Ngân hàng Nhà nước mua được khoảng 7 tỷ USD từ hệ thống ngân hàng, do vậy, có thể một lượng lớn ngoại tệ đã được tổ chức kinh tế và cá nhân bán và chuyển sang VND.

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ như USD và EUR, do đó sẽ chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty tiến hành xem xét thị trường hiện hành và lập kế hoạch dự kiến cho các giao dịch trong tương lai

bằng ngoại tệ, theo dõi sát những biến động của tỷ giá để thực hiện các giao dịch một cách kỹ lưỡng nhằm hạn chế tối đa rủi ro có thể xảy ra.

Lạm phát

Theo công bố của Tổng cục thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trong tháng cuối cùng của năm 2017 tăng chỉ 0,21% so với tháng trước và tăng 2,6% so với tháng 12 năm trước. CPI bình quân năm 2017 so với năm 2016 tăng 3,53%. Lạm phát cơ bản (CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống; năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và dịch vụ giáo dục) tháng 12/2017 tăng 0,11% so với tháng trước, tăng 1,29% so với cùng kỳ; năm 2017 so với năm 2016 tăng 1,41%.

Hoạt động của các doanh nghiệp luôn chịu tác động trực tiếp từ tỷ lệ lạm phát. Sự biến động của lạm phát ảnh hưởng trực tiếp tới giá cả đầu vào, cũng như nhu cầu cho sản phẩm đầu ra của Công ty. Đà tăng không mạnh của chỉ số giá tiêu dùng ít nhiều thuận lợi cho các doanh nghiệp nói chung và Searefico nói riêng.



CÁC YẾU TỐ RỦI RO

RỦI RO LUẬT PHÁP

Là một Công ty Cổ phần hoạt động trong lĩnh vực hóa chất, Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam chịu sự chi phối bởi hệ thống pháp luật Việt Nam và những chính sách có liên quan, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Hóa chất, các quy định về bảo vệ môi trường và an toàn lao động...

Những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam đang có nhiều chuyển biến mạnh mẽ, từng bước mở rộng và hội nhập với thị trường ngày một năng động của thế giới. Nhằm bắt kịp xu thế chung và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp, hệ thống luật pháp Việt Nam cũng đang trong quá trình cập nhật và hoàn thiện. Các quy định, chế tài cũng ngày một cụ thể và chặt chẽ hơn, đảm bảo tính minh bạch và công bằng. Cụ thể, trong năm 2016 Quốc hội đã ban hành Luật số 106/2016/QH13 liên quan đến thuế GTGT, thuế Tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế, những luật này ảnh hưởng trực tiếp đến Công ty. Nhiệm vụ đặt ra cho ban lãnh đạo Công ty là chủ động cập nhật, nắm bắt những thay đổi trong chính sách và pháp luật Việt Nam, từ đó mới có thể hoạch định những chiến lược phát triển phù hợp, đảm bảo hoạt động kinh doanh của công ty được duy trì ổn định.

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Như đã đề cập, ngành sản xuất hóa chất luôn tiềm ẩn rủi ro gây ô nhiễm môi trường do đặc tính ăn mòn cũng như tác động mạnh của sản phẩm. Một khi xảy ra, những sự cố này thường để lại hậu quả rất nghiêm trọng không chỉ ở thời điểm hiện tại đối với người và tài sản, mà còn có nguy cơ gây ra những biến đổi về thành phần, cấu tạo, đặc tính của đất và thảm thực vật, ảnh hưởng không nhỏ đến hình ảnh, uy tín và mục tiêu phát triển bền vững của Công ty. Do đó, các vấn đề liên quan đến xử lý chất thải, giảm thiểu các tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường luôn được Công ty chú trọng, thường xuyên kiểm

tra chất lượng sản phẩm và kiểm soát, xử lý chất thải nhằm đảm bảo theo đúng quy chuẩn môi trường của Nhà nước. Công ty cũng liên tục cải tiến các dây chuyền nhằm tăng năng suất và hạn chế, giảm bớt các thành phần độc hại trong chất thải. Thực hành quản lý tốt rủi ro trong quá trình vận chuyển và bảo quản, lưu trữ sản phẩm cũng góp phần không nhỏ vào việc hạn chế những tác động tiêu cực đến môi trường.

RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro trên, những rủi ro khác cũng có thể xảy ra trong các trường hợp bất khả kháng như thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn... Những rủi ro này thường rất ít khi xảy ra, nhưng lại rất khó để dự báo trước, và một khi đã phát sinh thì thường gây ra thiệt hại lớn cho Công ty cả về người và tài sản. Vì thế, nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng, Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam chủ động phòng ngừa bằng cách mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản của công ty.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Công ty nhìn chung đã hoàn thành kế hoạch năm 2017, mặc dù doanh thu hợp nhất năm 2017 có thấp hơn 2016: 4,88%. Tuy nhiên, so với chỉ tiêu kế hoạch, doanh thu của Công ty mẹ đạt 103%, lợi nhuận trước thuế của Công ty mẹ đạt 119% so với kế hoạch năm 2017 đã được ĐHCĐ thông qua ngày 21/04/2017.

Nhờ thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các công tác đầu tư, sản xuất, quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm đạt được những kết quả như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2016	2017	Tăng/Giảm 2017
1	Doanh thu thuần	1.541.132,06	1.465.857,35	-4,88%
2	Giá vốn hàng bán	1.136.591,09	1.049.885,44	-7,63%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	19.383,01	24.292,09	25,33%
4	Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp	181.889,80	129.742,33	-28,67%
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	242.034,17	310.521,67	28,30%
6	Lợi nhuận khác	-13.093,57	-2.271,68	-82,65%
7	Lợi nhuận trước thuế	228.940,60	308.249,99	34,64%
8	Lợi nhuận sau thuế	180.350,44	245.793,49	36,29%
9	EPS	3.680	5.015	36,28%



THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2017

THUẬN LỢI

- Công ty luôn nhận được sự chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời của Lãnh đạo, các cơ quan Ban ngành và Tập đoàn Hóa chất Việt Nam nên công tác tổ chức, quản lý và điều hành các hoạt động nhằm đáp ứng cho sản xuất – kinh doanh của Công ty đã ngày càng hoàn thiện.
- Tình hình sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm chủ yếu, có thể mạnh của Công ty trong năm 2017 gặp nhiều thuận lợi, các dây chuyền sản xuất Xút-Clo, Axít Sunphuric đã chạy hết công suất, các sản phẩm tiêu thụ hoàn thành kế hoạch.
- Công ty luôn tìm kiếm các nhà cung cấp nguyên vật liệu có giá tốt, cạnh tranh, nên nguồn nguyên liệu sản xuất với chất lượng đảm bảo luôn được đáp ứng.
- Nguồn vốn tự có ổn định, không phụ thuộc vào ngân hàng nên công ty có thể chủ động vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Khấu hao năm 2017 giảm đáng kể so với năm 2016.
- Sự đoàn kết nhất trí của tập thể CBCNV cùng những kinh nghiệm từ những năm qua đã góp phần cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn ổn định kể cả trong những lúc tình hình kinh doanh gặp nhiều khó khăn nhất.

KHÓ KHĂN

- Giá nguyên vật liệu chính: muối, lưu huỳnh tăng đáng kể, ảnh hưởng đến giá thành các sản phẩm của công ty.
- Nhu cầu xút-clo trên thị trường hiện nay khá lớn, tuy nhiên các nhà máy tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1 đang trong diện quy hoạch phải di dời theo chủ trương của Nhà nước, nên hiện tại công ty chưa thể mở rộng nâng công suất Nhà máy.



- Tại Công ty cổ phần Phốt pho Việt Nam, tình hình sản xuất cũng đang đối mặt với nhiều khó khăn do gặp phải sự cạnh tranh của nhiều nhà máy mới đã đi vào hoạt động. Giá nguyên liệu điện cực than tăng hơn 3 lần so với quý III, giá than cốc tăng nhẹ, trong khi đó nguyên liệu quặng Apatit cũng gặp khó khăn vì công ty Apatit Việt Nam giảm nguồn cung do các mỏ khai thác cạn trữ lượng. Giá thành còn chịu tác động của Luật số 106/2016/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/07/2016 về “ Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT”, sản phẩm phốt pho vàng và các sản phẩm liên quan phốt pho khi xuất khẩu thì không chịu thuế GTGT, nên không được khấu trừ thuế VAT nguyên liệu đầu vào dẫn đến giá vốn sản xuất tăng lên khoảng 8%.

Trước những thuận lợi và khó khăn trên, phát huy những thành quả đã đạt được trong những năm qua, cùng với sự cố gắng vượt bậc của tập thể CBCNV toàn Công ty kết hợp với yếu tố cơ hội thị trường, trong năm 2017 Công ty vẫn tiếp tục ổn định sản xuất, ổn định thị trường tiêu thụ sản phẩm, ngày càng cải thiện môi trường. Tiếp tục hoàn thiện công tác quản lý, thực hiện đầy đủ chế độ, giữ vững thu nhập và có những chính sách động viên, khen thưởng kịp thời đối với người lao động...

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu mà ĐHCĐ đề ra từ đầu năm như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2017	KH 2017	TH/KH
1	Tổng doanh thu tiêu thụ	1.466	1.461	100,33%
2	Doanh thu (riêng Cty mẹ)	1.096	1.056	103,78%
3	Tổng khoản nộp ngân sách (riêng Cty mẹ)	167	142	117,61%
4	Lợi nhuận trước thuế (riêng Cty mẹ)	309	260	118,97%
5	Lợi nhuận sau thuế (riêng Cty mẹ)	251	208	120,64%

Kết quả thực hiện

Trước những thuận lợi và khó khăn trên, phát huy những thành quả đã đạt được trong những năm qua, cùng với sự cố gắng vượt bậc của tập thể CBCNV toàn Công ty kết hợp với yếu tố cơ hội thị trường, trong năm 2017 Công ty vẫn tiếp tục ổn định sản xuất, ổn định thị trường tiêu thụ sản phẩm, ngày càng cải thiện môi trường. Tiếp tục hoàn thiện công tác quản lý, thực hiện đầy đủ chế độ, giữ vững thu nhập và có những chính sách động viên, khen thưởng kịp thời với người lao động... Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam đạt được những kết quả rất tốt cụ thể như sau:

- Giá trị SXCN theo giá thực tế năm 2017 thực hiện 1.445 tỉ đạt 102% so kế hoạch.
- Tổng doanh thu tiêu thụ năm 2017 đạt 1.466 tỉ đạt 100,33% so kế hoạch.
- Nộp ngân sách năm 2017 thực hiện 167 tỉ đạt 117,61% so kế hoạch.
- Lợi nhuận năm 2017 thực hiện là 309 tỉ (trong đó cổ tức là 21,05 tỷ) đạt 118,97% so kế hoạch (tăng 32% so cùng kỳ).
- Mặc dù chịu áp lực cạnh tranh gay gắt từ các đối thủ trong và ngoài nước, sản lượng XK công ty đạt 608.000 USD (tăng 156% so với năm 2016).
- Về công tác sửa chữa, đầu tư xây dựng: Công ty không có công trình hoàn thành và tăng năng lực sản xuất mới trong năm 2017, chủ yếu là đầu tư các thiết bị lẻ. Giá trị SCL thực hiện năm 2017 là: 11,3 triệu đồng, đạt 44% kế hoạch.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cp năm giữ	Tỷ lệ sở hữu/ vốn điều lệ
1	Nguyễn Hữu Thọ	Tổng giám đốc	53.400	0,120%
2	Lê Thanh Bình	Phó Tổng giám đốc	1.700	0,004%
3	Hoàng Minh Đức	Phó Tổng giám đốc	1.900	0,004%
4	Nguyễn Hoài Phú	Phó Tổng giám đốc	23.100	0,050%
5	Lê Thị Ngọc Diệp	Kế toán trưởng	2.100	0,005%

SƠ YẾU LÝ LỊCH

ÔNG NGUYỄN HỮU THỌ – TỔNG GIÁM ĐỐC

Họ và tên: Nguyễn Hữu Thọ

Giới tính: Nam

Số CMND: 086059000012

Ngày sinh: 16/09/1959

Nơi sinh: tỉnh Vĩnh Long

Quê quán: Vĩnh Long

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 180/12A Lạc Long Quân, Phường 10, Quận 11, TP. HCM

Trình độ chuyên môn

Bằng cấp	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
Kỹ sư	Hóa	Đại học Bách Khoa TP.HCM
Cử nhân	Ngoại ngữ Anh	Đại học Ngoại ngữ Hà Nội

Chức vụ đang nắm giữ: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc CTCP Hóa chất Cơ bản miền Nam.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

SƠ YẾU LÝ LỊCH

ÔNG NGUYỄN HỮU THỌ – TỔNG GIÁM ĐỐC

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1987 – 2005	Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam	Nhân viên, Phó phòng, Trưởng phòng Kỹ thuật
2005 – 2013	Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản miền Nam	Phó Tổng Giám đốc
01/2014 đến nay	CTCP Hóa chất Cơ bản miền Nam	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Số lượng cổ phần sở hữu:	8.893.400 cổ phần, trong đó:
Sở hữu cá nhân:	53.400 cổ phần, chiếm 0,12%
Đại diện Tập đoàn Hóa chất Việt Nam:	8.840.000 cổ phần, chiếm 20,00%

ÔNG LÊ THANH BÌNH – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Họ và tên: Lê Thanh Bình	Giới tính: Nam
Ngày sinh: 31/12/1972	Nơi sinh: Tỉnh Phú Thọ
Quê quán: Tp. Đà Nẵng	Quốc tịch: Việt Nam
CMND: 022525824	Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 588 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. HCM

Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
Cử nhân	Quản trị Kinh doanh	Đại học Mở Bán công

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

SƠ YẾU LÝ LỊCH

ÔNG LÊ THANH BÌNH – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Chức vụ đang nắm giữ: Phó Tổng Giám đốc CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam, Thành viên HĐQT CTCP Phốt pho Việt Nam.

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/1995 – 2001	Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Nhân viên
2001 – 12/2013	Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản miền Nam	Phó Phòng; Trưởng Phòng Kế hoạch kinh doanh
01/2014 – 04/2015	CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Thành viên HĐQT; Trưởng Phòng Kế hoạch kinh doanh
04/2015 đến nay	CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Phó Tổng Giám đốc

Số lượng cổ phần sở hữu: 1.700 CP, chiếm 0,004%

ÔNG HOÀNG MINH ĐỨC – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Họ và tên: Hoàng Minh Đức

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 03/12/1969

Nơi sinh: Tỉnh Lạng Sơn

Quê quán: Tỉnh Quảng Trị

Quốc tịch: Việt Nam

CMND: 024370252

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 133/12 Bis Ngô Đức Kế, Phường 12, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
Kỹ sư	Điện hóa	Đại học Bách khoa Đà Nẵng
Cử nhân	Quản trị Kinh doanh	Đại học Kinh tế TP.HCM

Chức vụ đang nắm giữ: Phó Tổng Giám đốc CTCP Hóa chất Cơ bản miền Nam

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

SƠ YẾU LÝ LỊCH

ÔNG HOÀNG MINH ĐỨC – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1992 – 1993	Viện kỹ thuật nhiệt đới bảo vệ môi trường	Cán bộ nghiên cứu
1993 – 2006	Nhà máy Hóa chất Biên Hòa	Trưởng Phòng Kỹ thuật, Phó Giám đốc, Giám đốc
2006 – 2013	Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản miền Nam	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Nhà máy Hóa chất Biên Hòa
01/2014 – nay	CTCP Hóa chất Cơ bản miền Nam	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Nhà máy Hóa chất Biên Hòa

Số lượng cổ phần sở hữu: 1.900 CP, chiếm 0,004%

ÔNG NGUYỄN HOÀI PHÚ – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Họ và tên: Nguyễn Hoài Phú

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 01/11/1960

Nơi sinh: Tp. Hồ Chí Minh

Quê quán: Tỉnh Long An

Quốc tịch: Việt Nam

CMND: 020791888

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 322/4 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 4, Quận 3, TP. HCM

Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
Cử nhân	Kế toán	Đại học Kinh tế Tp.HCM

Chức vụ đang nắm giữ: Phó Tổng Giám đốc CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam, Thành viên HĐQT CTCP Phốt pho Việt Nam

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

SƠ YẾU LÝ LỊCH

ÔNG NGUYỄN HOÀI PHÚ – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
03/1982 – 12/1994	Nhà máy Hóa chất Tân Bình	Nhân viên, Kế toán trưởng
12/1994 – 12/2013	Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản miền Nam	Kế toán trưởng, Phó Tổng Giám đốc
01/2014 đến nay	CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Phó Tổng Giám đốc

Số lượng cổ phần sở hữu: 23.100 CP, chiếm 0,05%

BÀ LÊ THỊ NGỌC DIỆP – KẾ TOÁN TRƯỞNG

Họ và tên: Lê Thị Ngọc Diệp

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 17/03/1965

Nơi sinh: Tp. Hà Nội

Quê quán: Tp. Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

CMND: 021630433

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 68 Tân Canh, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
Cử nhân	Kinh tế vật tư	Đại học Kinh tế TP.HCM

Chức vụ đang nắm giữ: Kế toán trưởng CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam, Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Phốt pho Việt Nam

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Trước năm 2011	Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Nhân viên, Phó Trưởng phòng KTTC, Trưởng phòng KTTC
08/2011 – 12/2013	Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản miền Nam	Kế toán trưởng
01/2014 đến nay	CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Kế toán trưởng

Số lượng cổ phần sở hữu: 2.100 CP, chiếm 0,005%

CƠ CẤU LAO ĐỘNG

Tính đến 31/12/2017, tổng số lao động của Tổng Công ty là 757 người với cơ cấu cụ thể như sau:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	757	100,00%
1.	Đại học	193	25,50%
2.	Cao đẳng	157	20,74%
3.	Phổ thông	407	53,76%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	757	100,00%
1.	Toàn thời gian	728	96,17%
2.	Bán thời gian	29	3,83%
C	Theo giới tính	757	100,00%
1.	Nam	611	80,71%
2.	Nữ	146	19,29%

MỘT SỐ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chế độ làm việc

Ban lãnh đạo công ty tin tưởng rằng, việc xây dựng một chế độ làm việc hợp lý là bước đầu tiên và cơ bản trong chuỗi chính sách nhằm tạo ra môi trường làm việc lành mạnh, tạo tâm lý thoải mái cho người lao động, từ đó giúp nâng cao hiệu quả làm việc cũng như sự gắn bó lâu dài với công ty. Do vậy công ty đề ra những tiêu chí rõ ràng về thời gian và điều kiện làm việc đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho cán bộ công nhân viên, cụ thể như sau:

Về thời gian làm việc:

Tất cả cán bộ công nhân viên làm việc không quá 8 giờ trong 1 ngày, 40 giờ trong 1 tuần. Trong trường hợp cần bố trí làm thêm giờ do yêu cầu sản xuất thì thời gian làm thêm giờ không quá 4 giờ trong 1 ngày, 30 giờ trong 1 tháng và 200 giờ trong 1 năm.

Người lao động được nghỉ 30 phút trong thời gian làm việc bình thường; nghỉ 45 phút khi làm ca đêm.

CBCNV Công ty và các đơn vị thành viên không phân biệt lao động ngắn hạn, dài hạn đều được nghỉ trong những ngày

lễ, Tết và các ngày nghỉ khác do Nhà nước quy định. Các trường hợp nghỉ theo chế độ ốm đau, thai sản... được thực hiện theo quy định của Bộ Luật lao động.

Người lao động được nghỉ phép hàng năm theo quy định tại Điều 111 và 112 Bộ Luật lao động. Nếu số ngày đi đường kể cả lượt đi và về trên 2 ngày thì ngày thứ 3 trở đi được tính thêm thời gian đi đường ngoài ngày nghỉ phép năm và chỉ được tính cho 1 lần nghỉ trong năm. Được thanh toán tiền tàu xe khi nghỉ phép năm để đi thăm gia đình, người thân (mỗi năm 1 lần) bằng phương tiện giao thông công cộng nếu có đủ chứng từ thanh toán hợp lệ.

Về điều kiện làm việc:

Người lao động được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, được cấp phát những dụng cụ làm việc, máy móc thiết bị cần thiết đảm bảo chất lượng theo quy định.

Đảm bảo điều kiện an toàn và vệ sinh lao động tại nơi làm việc theo quy định hiện hành của Nhà nước.

MỘT SỐ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG



ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC

Người lao động trong Công ty được hưởng lương theo hệ số, hệ số lương được tính căn cứ theo trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và nâng bậc lương theo niên hạn cho cán bộ công nhân viên.

Ngoài những quyền lợi được quy định trong Luật Lao động, người lao động trong Công ty còn được hưởng các đãi ngộ dưới các hình thức như du lịch, nghỉ mát, trợ cấp khi thai sản và ốm đau, trợ cấp khó khăn...

Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao, đồng thời áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.



CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO, TUYỂN DỤNG VÀ THU HÚT NHÂN TÀI

Trong một thị trường mà tính cạnh tranh ngày một cao, yêu cầu của khách hàng đối với sản phẩm của công ty cũng theo đó ngày một tăng lên, việc tuyển dụng được những người lao động có năng lực, tay nghề và kinh nghiệm là cực kỳ quan trọng. Xác định rõ điều này, công ty đã đề ra những tiêu chuẩn rõ ràng đối với từng vị trí, chức vụ theo yêu cầu công việc. Yêu cầu cơ bản nhất đối với lao động trong công ty là có trình độ chuyên môn, sự chủ động, sáng tạo và nhiệt tình trong công việc. Tùy vào mức độ quan trọng của từng vị trí tuyển dụng mà yêu cầu đối với ứng viên sẽ khác nhau. Đối với cán bộ quản lý điều hành, các yêu cầu tuyển dụng sẽ khắt khe hơn, bao gồm trình độ chuyên môn nghiệp vụ từ đại học trở lên, kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, dự báo, thuyết trình, đánh giá công việc, trình độ ngoại ngữ, tin học. Ngoài ra, công ty có chính sách chủ động tìm kiếm và thu hút nhân tài, đồng thời ban hành phương án lương thưởng đặc biệt cho những nhân viên giỏi, xuất sắc, có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan nhằm tăng cường sự gắn bó của họ đối với công ty.

Bên cạnh việc tập trung thu hút nguồn nhân lực có tay nghề, công ty có biện pháp chủ động nâng cao mặt bằng cán bộ công nhân viên bằng công tác tự đào tạo, đào tạo tại chỗ và dành sự quan tâm khuyến khích các cán bộ trẻ nâng cao trình độ chuyên môn.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC DỰ ÁN TRONG NĂM

Nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh, trong năm công ty tập trung đầu tư hoàn thiện và từng bước nâng cao năng lực sản xuất của các dây chuyền sản xuất hiện hữu, đồng thời hoàn thiện từng cơ sở hạ tầng kho bãi

Trong năm 2017, Công ty đầu tư 5 dự án, trong đó có 3 dự án cũ chuyển tiếp từ năm 2016 và 2 dự án đầu tư mới. Tất cả các dự án đều thực hiện theo đúng tiến độ đề ra, đối với dự án có sự thay đổi về tiến độ đều được điều chỉnh kịp thời, tiến độ dự án như sau:

- Dự án “Đầu tư bình điện phân thay thế bình DD350 tại NM Hoá chất Biên Hoà” cho tới thời điểm hiện tại đã thực hiện được 21% khối lượng.
- Dự án “Thuê đất, thuê hạ tầng tại KCN Nhơn Trạch 6, tỉnh Đồng Nai” đã được Công ty thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi, trình ĐHQĐ qua phương thức lấy ý kiến bằng văn bản, dự kiến dự án hoàn thành trong 14 tháng từ ngày được phê duyệt.
- Dự án “Đầu tư mua sắm thiết bị lẻ 2015” cho tới thời điểm kết thúc năm 2017 đã thực hiện được 100% khối lượng và đưa vào sử dụng 40% giá trị tài sản hình thành.
- Dự án “Đầu tư mua sắm thiết bị lẻ năm 2017 tại NM Hoá chất Tân Bình 2 và NM Hoá chất Đồng Nai” khởi động trong năm 2017 và đã hoàn thành 43% khối lượng.
- Dự án “Cải tạo cơ sở hạ tầng tại Chi nhánh Tân Bình” khởi động trong năm 2017 và đã thực hiện được 3% dự án.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY CON

Hiện nay, công ty đang nắm giữ 65,05% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Phốt pho Việt Nam, một số chỉ tiêu cơ bản của công ty con như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	2017/2016
Tổng tài sản	Tỷ đồng	203	156	-23,15%
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	500	385	-23,00%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	11,64	16	37,46%
Biên LNST	%	2,33%	4,16%	78,52%

Công ty đã có Nghị quyết (số: 02/2017/NQ-ĐHĐCĐ) của ĐHĐCĐ phiên họp bất thường theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua việc thoái toàn bộ vốn góp của Công ty cổ phần Hoá chất cơ bản miền Nam tại Công ty cổ phần Phốt pho Việt Nam, về phương án, thời gian và tất cả các vấn đề khác liên quan thực hiện thoái vốn được uỷ quyền cho HĐQT và người đại diện theo pháp luật.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính: căn cứ BCTC hợp nhất năm 2017 đã được kiểm toán

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2016/ 2015	2017/ 2016
Tổng tài sản	1.011.680,10	1.011.532,40	1.088.826,73	-0,01%	7,64%
Doanh thu thuần	1.546.380,67	1.541.132,06	1.465.857,35	-0,34%	-4,88%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	210.559,42	242.034,17	310.521,67	14,95%	28,30%
Lợi nhuận khác	-14.072,70	-13.093,57	-2.271,68	-6,96%	-82,65%
Lợi nhuận trước thuế	196.486,72	228.940,60	308.249,99	16,52%	34,64%
Lợi nhuận sau thuế	150.256,66	180.350,44	245.793,49	20,03%	36,29%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Với ưu thế về uy tín và chất lượng sản phẩm, thương hiệu của công ty ngày càng được củng cố và nâng cao trong bối cảnh nền kinh tế đang có những bước phục hồi rõ nét. Các dây chuyền sản xuất của Công ty đều được đầu tư với công nghệ tiên tiến, đảm bảo chất lượng sản phẩm và thân thiện với môi trường. Khách hàng truyền thống của Công ty là đối tác đã gắn bó nhiều năm, luôn luôn đảm bảo đơn hàng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, công ty còn chú trọng đẩy mạnh công tác bán hàng, marketing, phát triển mạng lưới khách hàng thường xuyên, tạo cơ sở vững chắc cho hoạt động kinh doanh của từng đơn vị thành viên trong Công ty. Việc đảm bảo an toàn cho khách hàng khi sử dụng sản phẩm cũng luôn được công ty lưu ý, dữ liệu an toàn hóa chất được lập cho mỗi loại sản phẩm nhằm phổ biến cho người lao động và khách hàng, từ đó hạn chế tối đa hư hao hay tai nạn, giúp quá trình sử dụng trở nên an toàn hơn, mang lại giá trị cao nhất cho khách hàng.

Trong năm 2017, công ty cũng gặp một số khó khăn liên quan đến nguyên vật liệu, sự cạnh tranh của thị trường, cũng như những thách thức chung của nền kinh tế trong nước. Tuy nhiên kết quả hoạt động sản xuất vẫn duy trì ở mức ổn định, thể hiện ở những con số như: Doanh thu đạt 1.466 tỷ đồng, giảm 4,88% so với 2016, so với 2015 giảm 5,21% – mức giảm này do doanh thu công ty con giảm 23%, tuy vậy lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2017 vẫn tăng 28,3% đạt 311 tỷ đồng.

CÁC DỰ ÁN TRONG NĂM

STT	Chỉ tiêu tài chính	ĐVT	2015	2016	2017
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,09	3,04	3,74
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,43	2,34	3,00
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	38,38	29,48	24,79
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	62,27	41,81	32,97
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
1	Vòng quay Hàng tồn kho	Vòng	4,96	4,89	5,23
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản (bình quân)	Vòng	1,56	1,52	1,40
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	9,72	11,70	16,77
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (bình quân)	%	24,15	26,98	32,08
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (bình quân)	%	15,14	17,83	23,40
4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	13,62	15,70	21,18



Tổng tài sản tăng
7,64%

Lợi nhuận sau thuế
Công ty đạt

245.793

triệu đồng tăng 36,29
% so với năm 2016

Doanh thu thuần trong
năm 2017 đạt

1.465.857

triệu đồng

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Về khả năng thanh toán

Trong thời gian qua hệ số thanh toán của công ty đều có xu hướng tăng, đặc biệt hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2017 đã tăng đạt 3,74 lần trong khi hệ số thanh toán nhanh cũng ở mức cao 3,00 lần. Công ty chủ động duy trì hệ số thanh toán ở mức an toàn nhằm đảm bảo khả năng thanh toán, đồng thời duy trì lượng tài sản ngắn hạn phù hợp cho mục đích sản xuất kinh doanh, không gây lãng phí. Công ty hoàn toàn có khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn cũng như quản lý tốt lượng hàng tồn kho.

Về cơ cấu vốn

Công ty đang có xu hướng không sử dụng quá nhiều đòn bẩy tài chính, thể hiện ở việc tỷ trọng nợ trên tổng tài sản giảm dần trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2016, trong năm 2017 Công ty tiếp tục duy trì xu hướng này, cơ cấu nợ trên tổng tài sản giảm còn 24,79 và nợ trên vốn chủ sở hữu còn 32,97 trong đó chủ yếu là các khoản nợ ngắn hạn. Chính sách duy trì nợ vay trên tổng tài sản dưới 40% như hiện tại sẽ góp phần giảm thiểu áp lực trả nợ và lãi vay cho công ty. Trong thời gian tới, khi Công ty thực hiện đầu tư xây dựng nhà máy và thay thế máy móc thiết bị mới, các chỉ tiêu về cơ cấu vốn có khả năng sẽ tăng cao.

Về năng lực hoạt động

Số vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tài sản trong năm 2017 có diễn biến trái chiều. Vòng quay hàng tồn kho 2017 tăng lên 5,23 vòng/năm, mặc dù cả giá vốn hàng bán và giá trị hàng tồn kho đều giảm tuy nhiên tốc độ giảm của hàng tồn kho nhanh hơn dẫn đến chỉ tiêu này tăng lên; Với chỉ tiêu Doanh thu thuần trên tổng tài sản bình quân, do trong năm đều có sự sụt giảm về tổng tài sản lẫn doanh thu thuần dẫn đến chỉ tiêu này cũng sụt giảm xuống còn 1,40 vòng so với năm 2016.

Về khả năng sinh lời

Nhờ hiệu quả của chủ trương tiết giảm chi phí nên dù cho doanh thu thuần giảm nhẹ nhưng lợi nhuận sau thuế của Công ty vẫn tăng cao so với năm 2016, vì vậy chỉ tiêu đo lường khả năng sinh lời của công ty trong năm 2017 có xu hướng tăng cao so với năm 2016. Cụ thể, biên lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần đạt 16,77%, tăng 43,33% so với kết quả đạt được năm 2016, ROE tăng đạt mức 32,08%, tăng 18,9% so với cùng kỳ, ROA tăng thêm 31,24% so với 2016 tương ứng tỷ lệ 23,40%, biên lợi nhuận thuần từ HĐKD tăng từ 15,707% lên 21,18%, ROA tăng lên 16,77%.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Số lượng cổ phần: 44.200.000 cổ phần

Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Số cổ phần tự do chuyển nhượng:
44.200.000 cổ phần

Số cổ phần ưu đãi: không có

Số cổ phần phổ thông: 44.200.000 cổ phần

Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0
cổ phần

Số cổ phần đang lưu hành: 44.200.000 cổ
phần

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông (tại thời điểm 29/12/2017)

STT	Đối tượng	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Cổ đông Nhà nước	28.731.000	65,00
2	Cổ đông sáng lập	-	0
	- Trong nước	-	0
	- Nước ngoài	-	0
3	Cổ đông lớn (sở hữu ≥ 5 vốn CP)	3.226.774	7,30
	- Trong nước	-	0
	- Nước ngoài	3.226.774	7,30
4	Cổ đông khác	12.242.226	27,70
	- Trong nước	6.478.766	14,66
	- Nước ngoài	5.763.460	13,04
TỔNG CỘNG		44.200.000	100

Danh sách cổ đông lớn

Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL (%)
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	0100100061	1A Tràng Tiền, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội	28.731.000	65
Vietnam Investment Property Holdings	CS7869	Phòng 1703, Tòa nhà Sun Wah 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM	3.226.774	7,3

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Công ty cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 02/01/2014 với vốn điều lệ ban đầu là 442.000.000.000 đồng. Công ty chưa tiến hành tăng vốn kể từ khi hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Trong năm 2017, Công ty không thực hiện mua bán cổ phiếu quỹ.

Các chứng khoán khác: không có.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

CÔNG TÁC QUẢN LÝ

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Công ty chủ yếu sử dụng những nguyên vật liệu như muối công nghiệp, cát trắng, lưu huỳnh, NaOH,... Các nguyên liệu này được cung cấp từ nguồn nội bộ.

Đối với các sản phẩm xút-clo, điện là nguồn năng lượng không thể thiếu cho quá trình điện phân, EVN là nhà cung cấp toàn bộ điện cho quá trình sản xuất của công ty.

Trong quá trình sản xuất, công ty đã luôn chú ý đến công tác tiết kiệm nguồn nguyên liệu để vừa giảm bớt chi phí sản xuất, vừa góp phần bảo vệ môi trường.

Quản lý chất lượng

Công ty cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam hiện là đơn vị sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản với hơn 40 chủng loại sản phẩm, trong đó các sản phẩm chính là xút NaOH, Axit Clohydric (HCl), Clor lỏng (Cl₂), Axit Sunfuric (H₂SO₄), Natri Silicat các loại và Phốt pho vàng (P₄). Các dây chuyền sản xuất của công ty hầu như đều theo mô hình khép kín với công suất lớn, sản phẩm đầu ra của dây chuyền này là nguyên liệu đầu vào của dây

chuyền kia nên đã giúp CSV tiết kiệm chi phí, đa dạng sản phẩm và tăng tính chủ động trong nguồn nguyên liệu đầu vào. Do đó, công ty có khả năng cung cấp những chuỗi sản phẩm đầy đủ. Nhờ vậy, thị phần của CSV ở các mảng sản phẩm chính đều dẫn đầu thị trường trong nước.

Công ty chủ động xây dựng hệ thống quản lý chất lượng nội bộ cho từng sản phẩm nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất trong công tác giám sát, thực hành sản xuất, cũng như phát hiện nguyên nhân sự cố xảy ra để có biện pháp xử lý kịp thời.

Theo đánh giá của nhiều chuyên gia kinh tế, ngành công nghiệp Việt Nam sẽ bước vào giai đoạn phát triển vàng trong thời gian tới nhờ quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng. Làn sóng ấy sẽ mang tới vô vàn cơ hội mở rộng thị trường cho các doanh nghiệp hóa chất cơ bản như CSV. Để tận dụng được làn sóng ấy, ban lãnh đạo công ty đang chuẩn bị cho dự án đầu tư nhà máy sản xuất xút-clor có công suất 30.000 tấn NaOH 100%/năm trong giai đoạn 2018-2020 và sau đó di dời 1 dây chuyền

sản xuất hiện hữu có công suất 25.000 tấn NaOH 100%/năm sang nhà máy mới. Như vậy, từ năm 2020, tổng công suất sản xuất xút của CSV có thể lên tới 55.000 tấn NaOH 100%/năm.

Với chiến lược đầu tư công nghệ hiện đại nhằm đẩy mạnh năng lực sản xuất, cũng như không ngừng phấn đấu nâng cao chất lượng sản phẩm, Công ty cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam đặt mục tiêu tiếp tục giữ vững vị thế tại thị trường trong nước và mở rộng hoạt động xuất khẩu trong tương lai, góp phần khẳng định chất lượng hàng Việt trên thị trường thế giới.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Đặc thù ngành sản xuất hóa chất là luôn tiềm ẩn nguy cơ gây ảnh hưởng đến môi trường do đặc tính sản phẩm. Do vậy, công tác bảo vệ môi trường là yếu tố quan trọng nhất đảm bảo cho công ty trong việc ổn định sản xuất và kinh doanh bền vững. Từ đó, công ty đã đầu tư xây dựng, phát triển toàn diện hệ thống dây chuyền sản xuất, xử lý chất thải, đồng thời luôn luôn theo dõi nhằm bám sát tình hình để có những điều chỉnh phù hợp trong chiến lược, đảm bảo sản phẩm luôn đạt tiêu chuẩn an toàn chất lượng và thân thiện với môi trường. Năm 2017, Phòng An toàn và Môi trường Công ty đã phối hợp với các đơn vị cập nhật quy định của Pháp luật, xây dựng các kế hoạch triển khai thực hiện, kiểm soát, đánh giá và cải tiến công tác An toàn vệ sinh lao động, Phòng cháy chữa cháy và Bảo vệ Môi trường, hướng đến mục tiêu không để xảy ra sự cố hoặc tai nạn nghiêm trọng.

Đối với hoạt động sản xuất

Công ty phát triển và hoàn thiện các dây chuyền sản xuất (dây chuyền xút-clor, axit sulfuric, axit photphoric) tuân thủ đầy đủ thủ tục về môi trường như ĐTM – đánh giá tác động môi trường – và Đề án bảo vệ môi trường.

Toàn bộ dây chuyền sản xuất của Công ty hiện nay đều được cơ quan quản lý nhà nước xác nhận đã hoàn thành các biện pháp đảm bảo môi trường giai đoạn vận hành và cho phép đưa vào hoạt động chính thức; Công ty xác định, đã và đang thực hiện:

- Chỉ chọn công nghệ sản xuất hóa chất tiên tiến với hiệu quả và hiệu suất cao, phát thải thấp và thân thiện với môi trường.
- Thường xuyên đào tạo nâng cao nhận thức và ý thức bảo vệ môi trường cho người lao động, cập nhật các văn bản pháp luật liên quan để kịp thời áp dụng trong sản xuất.
- Áp dụng hệ thống quản lý ISO 14001 để kiểm soát quá trình sản xuất cho tất cả các cơ sở của công ty. ISO 14001 giúp Công ty kiểm soát trong hoạt động của các cơ sở, loại bỏ những tác động tiêu cực tới môi trường. Đặc biệt, việc áp dụng quản lý môi trường theo tiêu chuẩn này tạo thuận lợi cho việc huy động tất cả các nhân viên tham gia vào quá trình bảo vệ môi trường.
- Thực hiện thành công kế hoạch tái sử dụng nước thải đạt 10% lượng nước sử dụng để sản xuất và sinh hoạt.

Đối với hoạt động theo dõi, giám sát

Quan trắc môi trường được thực hiện đầy đủ các thông số và đúng tần suất theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường, Đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt. Chế độ báo cáo thực hiện đầy đủ nội dung và đúng hạn theo quy định của pháp luật.

Đối với hoạt động xử lý chất thải

Phát thải từ hoạt động sản xuất hóa chất nếu không được xử lý kỹ càng trước khi đi ra môi trường sẽ gây ra những tác động không nhỏ đối với thảm thực vật, nguồn nước, không khí, từ đó có thể ảnh hưởng đến sức khỏe của cư dân và động vật nuôi quanh



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

vùng. Bên cạnh việc đầu tư dây chuyền sản xuất đạt chuẩn, công ty cũng chú trọng kiểm soát hạn chế lượng chất thải phát sinh ở mức thấp nhất và đầu tư cơ sở hạ tầng cho hoạt động phân loại, thu gom và xử lý chất thải.

Đây là trách nhiệm mà Ban lãnh đạo công ty luôn xem trọng trong việc xây dựng uy tín và bảo vệ lợi ích lâu dài của công ty, cụ thể như sau:

- Vệ sinh công nghiệp được thực hiện hàng ngày nhằm đảm bảo mỹ quan, môi trường lao động sạch sẽ, ngăn nắp.
- Nước thải được thu gom và xử lý đạt chuẩn A QCVN 40:2011/BTNMT hoặc theo quy định của Khu công nghiệp trước khi đấu nối vào hệ thống nước thải của Khu công nghiệp.
- Khí thải được thu gom và xử lý đạt chuẩn B QCVN 19:2009/BTNMT trước khi thải ra môi trường.

Chất thải rắn được phân loại và áp dụng cách xử lý theo quy định tại Nghị định 38/2015/

NĐ-CP về việc quản lý chất thải và phế liệu và các Thông tư hướng dẫn liên quan. Theo đó chất thải rắn được chia thành 03 loại chính và chuyển giao cho các đơn vị có chức năng xử lý theo quy định của pháp luật:

- Chất thải sinh hoạt được giao cho đơn vị thu gom xử lý tại địa phương hằng ngày.
- Chất thải công nghiệp thông thường được thu gom và phân loại tại nguồn trước khi chuyển về kho lưu. Chất thải công nghiệp được phân loại, thu gom tái sử dụng hoặc giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo định kỳ.
- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại tại nguồn và chuyển về kho lưu riêng biệt, đảm bảo đúng theo quy định tại Thông tư 36/2015/BTNMT về quản lý chất thải nguy hại, định kỳ giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đảm bảo đúng theo quy định tại Thông tư 36/2015/BTNMT về quản lý chất thải nguy hại.

Các hoạt động khác



Với sự hỗ trợ của Hội đồng Trách nhiệm Xã hội tự nguyện của các doanh nghiệp hóa chất Việt Nam (VRCC) thuộc Hội Hóa học Việt Nam, Công ty cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam đã triển khai hệ thống Trách nhiệm xã hội tự nguyện (Responsible Care) tại Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 và Nhà máy Hóa chất Đồng Nai. Đây không chỉ là hoạt động nhằm mục tiêu bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe cho người lao động trong các doanh nghiệp và cộng đồng, mà còn giúp ngăn ngừa những sự cố hóa chất từ khâu sản xuất, lưu trữ, phân phối, sử dụng tới kiểm soát, xử lý chất thải... từ đó giúp ổn định và nâng cao năng lực sản xuất, giảm thiểu chi phí, góp phần nâng cao lợi thế cạnh tranh cho Công ty.

Các hoạt động tuyên truyền Pháp luật lao động, PCCC và BVMT qua loa đài, bảng thông báo tại đơn vị cũng được tiến hành thường xuyên. Công ty còn cử Đội PCCC tham gia hội thao do cơ quan PCCC địa phương tổ chức, triển khai vận động công nhân viên tham gia vệ sinh công nghiệp, trồng mới cây xanh góp phần bảo vệ môi trường.

Nhờ thực hiện đồng bộ và toàn diện các biện pháp đảm bảo an toàn trong dây chuyền sản xuất cũng như xử lý chất thải theo quy định, trong năm 2017 Công ty không có trường hợp vi phạm các quy định và pháp luật về bảo vệ môi trường.

Trong tương lai, để tiếp tục thực hiện tốt công tác này, CSV vẫn sẽ đặt vấn đề môi trường lên hàng đầu. Mỗi dự án đầu tư sẽ được nghiên cứu kỹ càng, xem xét các yếu tố có thể ảnh hưởng đến con người, thảm thực vật, các sinh vật sống, môi trường nước, không khí... Công tác tuyên truyền cho người lao động cũng như cộng đồng về ý thức xây dựng môi trường xanh sẽ được tăng cường. Mỗi một CBCNV Công ty sẽ là một kênh tuyên truyền và lan tỏa thông điệp. Trách nhiệm sẽ là giá trị tinh thần cốt lõi mà những hoạt động của công ty tập trung hướng vào, khi mỗi cá nhân nhận thức rõ trách nhiệm của mình đối với cộng đồng, công tác này sẽ được thực hiện toàn diện và hiệu quả.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Mức lương bình quân

Đơn vị tính: Triệu đồng



Đây là mức khá cao so với các doanh nghiệp cùng ngành. Trong những năm tới, Công ty tiếp tục đưa quyền lợi của người lao động gắn liền với lợi ích của Công ty, tiềm năng phát triển của Công ty là rất khả quan, dự kiến mức lương cho người lao động vẫn có xu hướng tăng.

Chính sách nhằm đảm bảo quyền lợi cho người lao động

Nhân lực luôn có giữ vai trò quyết định đối với tương lai của một doanh nghiệp. Với mục tiêu tạo ra một môi trường làm việc thân thiện để mọi người cùng chia sẻ kinh nghiệm, đồng thời tạo tâm lý thoải mái cho người lao động, Công ty đã chú ý đề ra chính sách đảm bảo sức khỏe và phúc lợi cán bộ công nhân viên, trong đó nổi bật là chế độ lương thưởng và an toàn lao động.

Nhận thức được vai trò của công tác nâng cao chất lượng, tay nghề của người lao động đối với hiệu quả sản xuất kinh doanh, trong thời gian qua Công ty thường xuyên cử nhiều cán bộ quản lý, người lao động tham gia các lớp đào tạo, tập huấn do Tập đoàn Hóa chất Việt Nam và Công ty tổ chức. Những cá

nhân này sau đó sẽ có những nhân tố chia sẻ lại kinh nghiệm cho CBCNV khác. Việc này một mặt vừa giúp nâng cao mặt bằng trình độ của người lao động, vừa là một hình thức khuyến khích văn hóa chia sẻ và tự học hỏi trong tập thể. Trong năm qua, Công ty còn tổ chức các lớp tập huấn ngắn hạn về các công tác an toàn sản xuất, tiết kiệm năng lượng và kỹ năng mềm cho nhân viên.

Về đời sống vật chất, Công ty trả lương cho cán bộ công nhân viên thang bảng lương đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền. Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN theo đúng quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, nhằm nâng cao tính cạnh tranh cũng như cải thiện không khí làm

việc, tạo động lực làm việc hăng say cho nhân viên, Công ty thường xuyên tổ chức những cuộc thi nâng bậc, thưởng cho những cá nhân làm việc hiệu quả, có ý tưởng mới đóng góp và quá trình sản xuất. Ngoài tiền lương, người lao động trong Công ty còn được nhận thêm phụ cấp tiền ăn trưa, đi lại, thưởng nhân dịp lễ tết. Trường hợp CBCNV nghỉ theo chế độ hoặc chấm dứt hợp đồng lao động đều được hưởng trợ cấp theo đúng chế độ, đúng với thỏa thuận đã ký trong hợp đồng lao động và Thỏa ước lao động tập thể.

Về đời sống tinh thần, CSV thể hiện sự quan tâm đối với cán bộ nhân viên thông qua việc tặng quà sinh nhật, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cũng như tổ chức các kỳ nghỉ mát,

nghỉ dưỡng định kỳ hằng năm nhằm củng cố tinh thần đoàn kết giữa cán bộ công nhân viên và sự gắn bó với Công ty.

Ngoài ra, CSV luôn chú trọng hoàn thiện cơ sở hạ tầng và cải thiện điều kiện làm việc, trang bị đầy đủ vật dụng, trang thiết bị bảo hộ, đảm bảo an toàn và sức khỏe cho người lao động.

Sự quan tâm chăm sóc chu đáo cùng những chế độ khuyến khích tinh thần cống hiến, sáng tạo đã góp phần tạo nên sự đoàn kết, đồng thuận trong tập thể CBCNV, giúp CSV hoàn thành tốt các mục tiêu sản xuất kinh doanh và đạt được nhiều thành công trong suốt hơn 40 năm qua.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh việc tập trung sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh doanh, Công ty cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam luôn đồng hành, sẻ chia thành quả cùng người lao động cũng như thực hiện trách nhiệm của một doanh nghiệp vì cộng đồng xã hội.

Công ty đã có nhiều hành động thiết thực nhằm thể hiện trách nhiệm với cộng đồng như thường xuyên thăm hỏi, tặng quà các gia đình có công với cách mạng, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, thăm và trao học bổng cho học sinh nghèo vượt khó, tổ chức các chuyến đi về nguồn để CBCNV vừa có cơ hội thư giãn nhân các dịp lễ vừa có dịp nâng cao ý thức và trách nhiệm với cộng đồng.

Nhờ thực hiện tốt công tác tuyên truyền, kết hợp với nhiều biện pháp tích cực và toàn diện, Hóa chất cơ bản miền Nam đã từng bước nâng cao ý thức trách nhiệm cho mỗi cá nhân cũng như tập thể CBCNV công ty, đồng thời góp sức mình vào quá trình xây dựng chất lượng xã hội ngày một cao hơn. Trong thời gian tới, hoạt động này sẽ tiếp tục được đẩy mạnh không chỉ trong phạm vi tại cộng đồng địa phương mà sẽ còn mở rộng ra các địa bàn khác, đưa sự chia sẻ của Hóa

chất Cơ bản Miền Nam đến với nhiều hoàn cảnh, nhiều khu vực hơn, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI

TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY





BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2017

Kinh tế Việt Nam năm 2017 có biến động mạnh khi GDP quý 1/2017 so với cùng kỳ (loại bỏ yếu tố mùa vụ) tăng trưởng âm, thì quý 2, 3 và 4 đã phục hồi mạnh mẽ góp phần đưa GDP cả năm đạt 6,81%, vượt mục tiêu Quốc hội đề ra. Chỉ số CPI cả năm đạt 3,53%, thấp hơn mục tiêu 4% do Quốc hội đề ra. Thanh khoản ngân hàng cả năm dồi dào một phần do NHNN đẩy nội tệ ra thị trường thông qua mua ngoại hối nhưng chủ động không trung hoà tuyệt đối.

Ngành sản xuất hóa chất và các sản phẩm hóa chất nói chung tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức, bất cập như vấn đề khả năng cung ứng nguyên liệu đầu vào còn thấp, các doanh nghiệp còn lệ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu, giá thành đầu vào cao, ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận biên của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, năng lực công nghệ, máy móc kỹ thuật vẫn còn thấp, năng lực sản xuất chưa tương xứng với tiềm năng phát triển của ngành cũng như nhu cầu thực tế của thị trường hiện nay



Từ bức tranh kinh tế trong và ngoài nước cùng với thực tiễn hoạt động của Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2017 như sau:

Một số chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2016	2017
1	Tổng giá trị tài sản	1.011.532,40	1.088.826,73
2	Tài sản ngắn hạn	900.149,42	986.051,90
3	Hàng tồn kho	207.639,35	193.630,38
4	Tổng nợ	298.238,60	269.956,12
5	Nợ ngắn hạn	295.800,90	263.934,52
6	Vốn chủ sở hữu	713.293,79	818.870,61
7	Doanh thu thuần	1.541.132,06	1.465.857,35
8	Lợi nhuận trước thuế	228.940,60	308.249,99
9	Lợi nhuận sau thuế	180.350,44	245.793,49



Về doanh thu

Cơ cấu doanh thu	2016	2017
Doanh thu bán thành phẩm	1.440.158,6	1.342.675,5
Doanh thu bán hàng hóa	96.613,0	113.171,7
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.360,5	10.010,1
Doanh thu tài chính	19.383,0	24.292,1
Thu nhập khác	644,1	853,1

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

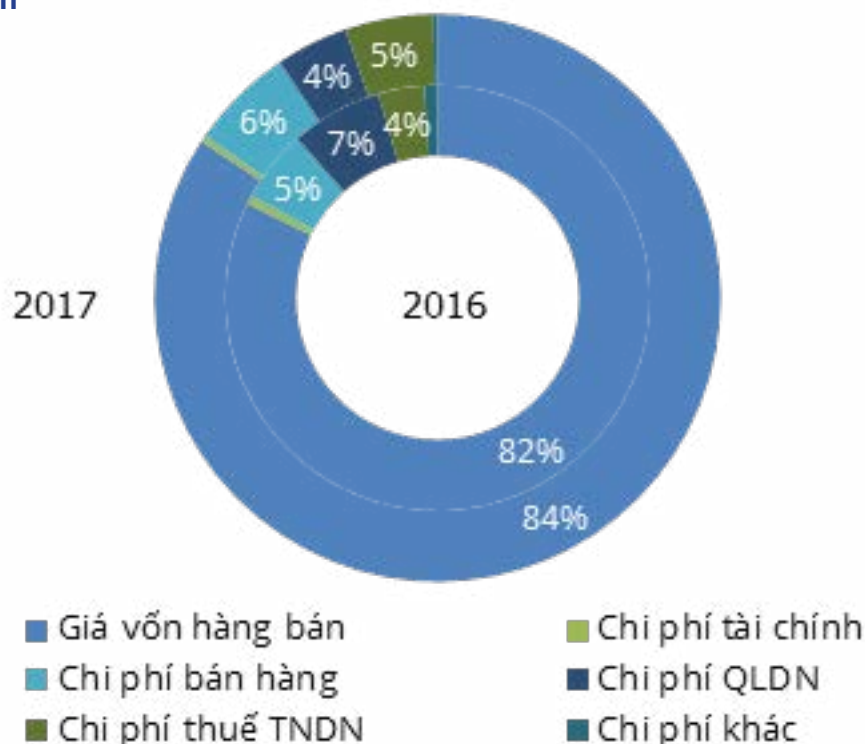
Về doanh thu

Cơ cấu doanh thu qua các năm 2016, 2017 không có sự thay đổi nhiều với doanh thu thuần từ tiêu thụ (bán) thành phẩm đóng góp giá trị lớn nhất, mặc dù trong năm 2017 có giảm 6,67% so với năm 2016. Theo sau là doanh thu thuần từ bán hàng hóa, các khoản doanh thu từ cung cấp dịch vụ, doanh thu tài chính và thu nhập khác có đóng góp không đáng kể.

Lường trước được sự biến động của thị trường, thêm vào đó 03 nhà máy của công tại KCN Biên Hoà 1 thuộc diện di dời không thể mở rộng, Công ty chủ động đưa ra kế hoạch tiêu thụ tương đương năm 2016 và đã hoàn thành kế hoạch trong năm 2017, tổng doanh thu đạt 1.466 tỷ đồng.

Trong cơ cấu tổng doanh thu, doanh thu từ hoạt động tài chính và doanh thu khác tăng trái chiều với doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ. Đối với doanh thu từ hoạt động tài chính, tăng 25,33% so với năm 2016, giá trị tăng thêm chủ yếu từ lãi tiền gửi trong năm.

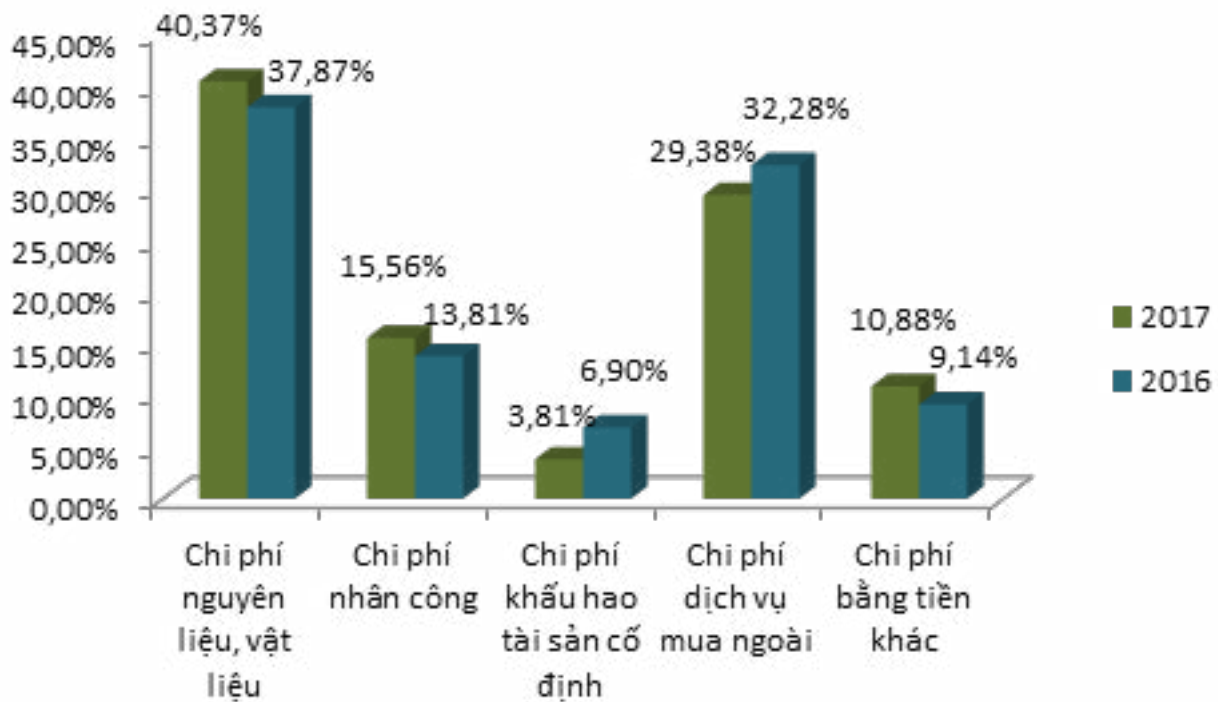
Về cơ cấu chi phí



Xét về cơ cấu chi phí hoạt động, trong năm 2017, không có nhiều biến động về thứ tự tỷ trọng các yếu tố cấu thành tổng chi phí hoạt động của Công ty. Giá vốn hàng bán luôn là yếu tố chiếm tỷ trọng cao nhất với khoảng từ hơn 80% qua các năm. Chi phí bán hàng là yếu tố có giá trị lớn thứ 2 trong cơ cấu tổng chi phí, năm 2017 giảm 3,3% so với cùng kỳ. Đáng kể đến, chiếm tỷ trọng thứ 4 trong chi phí hoạt động là chi phí quản lý doanh nghiệp, trong năm do công ty không còn phải phân bổ lợi thế thương mại đồng thời Công ty giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi đối với đối tác Kunming Taijin Commercial & Trade Co.,Ltd, dẫn đến chi phí năm 2017 giảm 45 tỷ đồng tương đương 46,6% so với cùng kỳ. Các yếu tố chi phí còn lại chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong cơ cấu tổng chi phí hoạt động của toàn Công ty.

Về cơ cấu chi phí

Xét về cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố, ngành nghề chính của Công ty là sản xuất hoá chất, do vậy nguyên vật liệu luôn là yếu tố chiếm tỷ trọng lớn nhất trong nhóm các yếu tố sản xuất kinh doanh, năm 2017, giá trị yếu tố này giảm 3,67% so với cùng kỳ. Tỷ trọng đứng thứ 2 là chi phí dịch vụ mua ngoài, chiếm 29,38% tổng giá trị chi phí các yếu tố sản xuất kinh doanh; so với cùng kỳ, yếu tố này giảm mạnh 18%. Ngoài ra, chi phí khấu hao tài sản cố định trong năm giảm mạnh 50% do các tài sản tại các nhà máy ở KCN Biên Hoà 1 đã hết khấu hao. Các yếu tố còn lại đều xu hướng tăng lên tuy nhiên mức biến động không đáng kể.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản

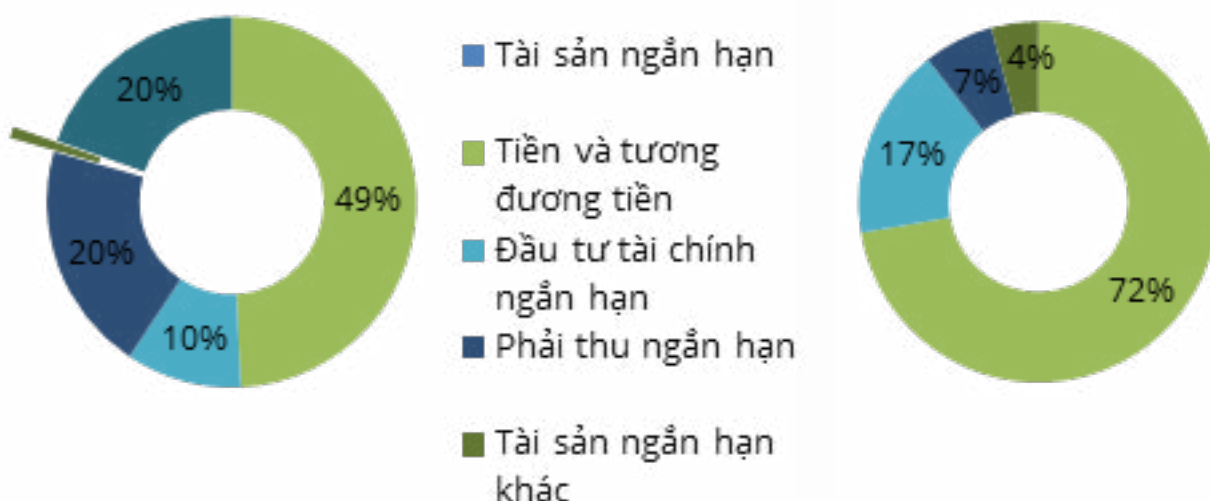
Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tiêu chí	2016	2017	Tăng/ Giảm (%)
1	Tài sản ngắn hạn	900.149,42	986.051,90	9,54
2	Tài sản dài hạn	111.382,97	102.774,84	-7,73
3	Tổng tài sản	1.011.532,40	1.088.826,73	7,64

Năm 2017, tài sản ngắn hạn tăng thêm 11,12% so với cùng kỳ do sự đóng góp của khoản mục đầu tư tài chính ngắn hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 năm. Ngược lại với tài sản ngắn hạn, tài sản cố định trong năm giảm 26,34% là nguyên nhân chính dẫn đến giá trị tài sản dài hạn trong năm giảm nhẹ 7,73%. Tỷ trọng tài sản dài hạn chỉ chiếm 9,44% trong tổng tài sản, giá trị tài sản dài hạn giảm xuống không ảnh hưởng đến xu hướng tăng của tổng tài sản.

Tương đương với việc máy móc thiết bị đã hết thời gian khấu hao, nhà máy mới tại KCN Nhơn Trạch 6 vẫn chưa được khởi công, trong các năm gần đây Công ty không đầu tư thêm tài sản cố định dẫn đến cơ cấu tài sản trong những năm sau cổ phần hóa có sự dịch chuyển sang tỷ trọng tài sản ngắn hạn khi chiếm đến 90% tổng tài sản.

Xét về cơ cấu mỗi nhóm tài sản, tỷ trọng tài sản ngắn hạn, dài hạn cụ thể như sau:



Về cơ cấu tài sản ngắn hạn: tiền và tương đương tiền là khoản mục chiếm tỷ trọng chủ yếu, khoảng 50% trong tổng giá trị tài sản ngắn hạn, trong đó các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng chiếm 82,43%. Kế tiếp là khoản mục các khoản phải thu chiếm 20,04%, hàng tồn kho có giá trị là 19,64% và khoản đầu tư tài chính ngắn hạn trong năm chiếm 10,14% tổng giá trị. Tài sản ngắn hạn khác chiếm một tỷ trọng rất nhỏ trong tổng giá trị tài sản ngắn hạn.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Về cơ cấu tài sản dài hạn: giá trị tài sản cố định chiếm 72,27% tổng giá trị tài sản dài hạn, trong đó tài sản cố định hữu hình chiếm tới 97% tổng giá trị.

Về nợ phải thu xấu

Trích lập nợ phải thu khó đòi năm 2017 giảm mạnh hơn 50%, xấp xỉ 32 tỷ đồng so với năm 2016, khoản nợ chính đến từ công ty Kunming Taijin Commercial & Trade Co., Ltd với khoản nợ khó đòi còn lại lên đến 24 tỷ đồng.

Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tiêu chí	2016	2017	Tăng/Giảm (%)
1	Nợ ngắn hạn	295.800,90	263.934,52	-10,77
2	Nợ dài hạn	2.437,70	6.021,59	147,02
3	Tổng nợ	298.238,60	269.956,12	-9,48

Trong cơ cấu nợ phải trả 2017, Công ty giảm khoản nợ ngắn hạn 10,77% xuống còn 264 tỷ đồng, chủ yếu do khoản phải trả người bán ngắn hạn và khoản vay ngắn hạn giảm xuống. Nợ dài hạn tăng thêm 3,5 tỷ đồng đến từ các khoản vay dài hạn.

Cơ cấu chi tiết nợ phải trả ngắn hạn như sau

ĐVT: Triệu đồng

	Nợ ngắn hạn	2017	Tỷ lệ (%)
	Tổng cộng	263.934,5	
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	31.483,3	11,93
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	698,4	0,26
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (*)	20.746,5	7,86
4.	Phải trả người lao động	48.426,7	18,35
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	3.604,9	1,37
9.	Phải trả ngắn hạn khác (*)	9.279,7	3,52
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	118.705,2	44,98
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn (*)	12.771,1	4,84
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18.218,7	6,90

Trong cơ cấu nợ ngắn hạn, vay ngắn hạn là khoản mục chiếm tỷ trọng lớn nhất với gần 45% tổng giá trị nợ ngắn hạn, là các khoản vay vốn lưu động nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Về tình trạng trả nợ

ĐVT: Triệu đồng

Tại ngày 31/12/2017	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 đến 5 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	31.483,3	-	31.483,3
Người mua trả tiền trước	698,4	-	698,4
Vay và nợ	118.705,2	6.021,6	124.726,8
Phải trả người lao động	48.426,7	-	48.426,7
Chi phí phải trả	3.604,9	-	3.604,9
Các khoản phải trả phải nộp khác	9.279,7	-	9.279,7
Cộng	212.198,2	6.021,6	218.219,8

Trên thực tế, Công ty luôn coi trọng công tác quản trị rủi ro nói chung và đặc biệt là rủi ro thanh khoản nói riêng. Ban điều hành luôn giám sát hoạt động quản lý rủi ro thông qua việc thường xuyên theo dõi yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động dòng tiền của Công ty.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Ảnh hưởng của chênh lệch lãi vay

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tiêu chí	2016	2017
1	Vay ngắn hạn	154.527,99	118.705,18
2	Vay dài hạn	2.437,70	6.021,59
3	Chi phí lãi vay	8.086,38	3.860,39
4	Chi phí lãi vay/doanh thu thuần (%)	0,52	0,26

Năm 2017, chi phí lãi vay giảm 4,2 tỷ đồng do các khoản vay ngắn hạn giảm 23,18% làm tỷ lệ chi phí lãi vay trên doanh thu thuần giảm từ mức 0,52% xuống mức 0,26%, đây là mức thấp, thể hiện công ty không chịu nhiều rủi ro về biến động lãi suất.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Một số biện pháp được tập trung thực hiện nhằm đạt được kết quả sản xuất kinh doanh 2017

- Kiểm soát chặt chẽ, tăng cường tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh.
- Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 01/01/2017 của Chính phủ.
- Triển khai các công tác đầu tư xây dựng, sửa chữa lớn, sửa chữa thường xuyên kịp thời để duy trì tốt hoạt động của các dây chuyền máy móc thiết bị.
- Thường xuyên theo dõi giá thành và giá bán trên thị trường để có những điều chỉnh phù hợp và hiệu quả.
- Duy trì tốt mối quan hệ với các nhà cung cấp nguyên vật liệu, đảm bảo ổn định nguồn đầu vào. Thường xuyên theo dõi biến động nguyên vật liệu và tồn kho để có giải pháp xử lý kịp thời.

Về công tác tài chính

Công ty luôn chấp hành đầy đủ các quy định về quản lý tài chính – kế toán và các văn bản pháp luật có liên quan, tuân thủ nghiêm túc quy chế, nội quy của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam; lập báo cáo tài chính, công tác hạch toán kế toán, lưu giữ chứng từ đầy đủ gọn gàng theo đúng chế độ quy định; sử dụng vốn và tài sản của Nhà nước có hiệu quả cao. Thu nộp ngân sách được chú trọng thực hiện đúng hạn, thực hiện nghiêm chỉnh kế hoạch được giao.

Về thu nhập và đời sống người lao động

Công tác chăm lo đời sống người lao động luôn được chú trọng, đảm bảo thu nhập ổn định tạo sự an tâm cho người lao động, thu nhập bình quân 16,49 triệu đồng/người/tháng.





KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Nhiệm vụ kế hoạch năm 2018

- Giá trị SXCN theo giá thực tế năm 2018: 1.343 tỷ đồng
- Tổng doanh thu tiêu thụ: 1.362 tỷ đồng
- Nộp ngân sách: 130 tỷ đồng
- Lợi nhuận hợp nhất trước thuế: 290 tỷ đồng.

Dự báo những thuận lợi khó khăn trong năm 2018

Thuận lợi

- Việc tiêu thụ các sản phẩm Xút-Clo tiếp tục thuận lợi do các ngành sản xuất công nghiệp đang trên đà phát triển, công ty mở rộng được khách hàng mới dẫn đến nhu cầu về các mặt hàng hóa chất nêu trên tăng.
- Lãi suất vay vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh tiếp tục ổn định.
- Các sản phẩm hóa chất Công ty sản xuất có chất lượng ổn định và tiếp tục nhận được sự ủng hộ của khách hàng.
- Chi phí khấu hao TSCĐ trong năm 2018 sẽ tiếp tục giảm so với năm 2017.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Khó khăn

- Giá nguyên vật liệu chủ yếu: muối, lưu huỳnh tăng đáng kể.
- Giá điện tăng hơn 6% bắt đầu từ tháng 12/2017.
- Sự cạnh tranh gay gắt của các đối thủ trong nước. Một số sản phẩm bị cạnh tranh bởi các mặt hàng thay thế. Công ty phải chịu áp lực giảm giá bán để cạnh tranh.
- Các sản phẩm gốc phốt phát gần như không tiêu thụ được do sự cạnh tranh của các sản phẩm nhập khẩu giá rẻ của Trung Quốc.
- Xuất khẩu gặp nhiều khó khăn, do gặp phải sự cạnh tranh gay gắt của các mặt hàng cùng loại của Trung Quốc.
- Doanh nghiệp tiếp tục gặp phải những khó khăn trong chính sách: Luật số 106/2016/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT làm tăng chi phí cho công ty Phốt pho.
- Sản lượng muối nhập khẩu trong hạn ngạch thấp, doanh nghiệp phải nhập ngoài hạn ngạch với mức thuế cao.
- Trong năm 2018, công ty tiến hành đầu tư dự án thay thế bình điện phân DD350 và đầu tư thuê đất theo chủ trương đã được duyệt. Ước tính chi phí lãi vay, chi phí phân bổ sắp tới ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận công ty.

Những biện pháp chủ yếu để tổ chức thực hiện

Để có thể hoàn thành tốt kế hoạch năm đã đề ra, đồng thời hạn chế tối đa những khó khăn mới phát sinh trong quá trình sản xuất – kinh doanh, trong năm 2018 toàn Công ty cần phải phấn đấu hoàn thành tốt những việc sau:

- Dây chuyền Xút-Clo được duy trì sản xuất ở mức công suất tối ưu. Để đảm bảo được điều này, máy móc thiết bị phải luôn được bảo trì, bảo dưỡng, thực hiện đúng lúc và kịp thời các công tác sửa chữa lớn, sửa chữa thường xuyên.
- Tập trung triển khai dự án thay thế Bình điện phân DD350 để sớm đưa vào hoạt động, ổn định năng suất Nhà máy.
- Chú trọng phát triển bền vững, công tác an toàn vệ sinh lao động.
- Tiếp tục nghiên cứu tìm nguồn nguyên liệu rẻ, ổn định, đảm bảo chất lượng để tăng hiệu quả SXKD. Thêm vào đó là chú trọng công tác dự báo về nguồn nguyên liệu, xu hướng giá để có dự trữ nguyên liệu đầy đủ kịp thời, lượng dự trữ nguyên liệu hợp lý, không để tồn đọng vốn lớn.
- Phát triển khách hàng mới nhất là khách hàng ngoài nước, duy trì tốt mối quan hệ với khách hàng hiện tại.
- Tiếp tục cải tiến công tác tiền lương theo hướng vừa đảm bảo pháp luật, đảm bảo công bằng, tương xứng nhằm khuyến khích những người lao động.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Những kiến nghị đề xuất

- Hạn ngạch nhập khẩu muối công nghiệp năm 2017 là: 13.000 tấn trên tổng số hơn 60.000 tấn muối nhập khẩu. Nhằm mục đích giảm giá thành, tăng khả năng cạnh tranh mặt hàng Xút, công ty đề xuất tăng hạn ngạch nhập khẩu muối công nghiệp.
- Đề nghị Tập đoàn hỗ trợ cơ sở dữ liệu sản xuất, tiêu thụ, xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh trọng yếu trong và ngoài nước, qua đó công ty có cơ sở, nền tảng để dự báo thị trường, lập kế hoạch mở rộng nâng công suất trong thời gian sắp tới.

Trước những thuận lợi và khó khăn dự báo trong năm 2018, cùng các biện pháp cụ thể về việc tổ chức quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2018 như đã nêu trên, chúng tôi có căn cứ để tin tưởng rằng: Với sự đoàn kết nhất trí của tập thể CBCNV, những kinh nghiệm được tích lũy từ nhiều năm qua, cùng với sự chỉ đạo và giúp đỡ kịp thời của Lãnh đạo Tập đoàn Hóa chất Việt Nam thì các mục tiêu đề ra trong năm 2018 của Công ty sẽ thực hiện được và là cơ sở để phát triển cho những năm sau.

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có.

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Thực hiện công tác An toàn vệ sinh lao động và PCCC trong năm 2017:

- Công ty triển khai thực công tác ATVSLĐ tại các đơn vị trực thuộc theo mô hình hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp quốc tế OHSAS 18001:2015. Triển khai thực hiện dựa trên kế hoạch ATVSLĐ, năm 2017 thực hiện đạt 103,11% kế hoạch được giao. Người lao động được cung cấp đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân khi làm việc. Môi trường lao động đảm bảo an toàn, thoải mái cho người lao động khi làm việc.
- Về công tác huấn luyện an toàn vệ sinh lao động: tổng số người được huấn luyện là 684 lượt người. Các đơn vị trực thuộc đã phân nhóm các đối tượng lao động theo đúng yêu cầu của Luật ATVSLĐ và tổ chức huấn luyện an toàn lao động cho các nhóm đối tượng. Chi phí huấn luyện 183,16 triệu đồng.
- Công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động: các đơn vị trong công ty đã thực hiện khám sức khỏe cho 936 lượt người. Trong đó, người lao động làm công việc nặng nhọc độc hại được khám 02 lần/năm và khám phát hiện bệnh nghề nghiệp. Tổng chi phí là 1,007 tỷ đồng. Huấn luyện sơ cấp cứu tai nạn cho lực lượng ATVSLĐ gồm 69 người, chi phí huấn luyện 10 triệu đồng.
- Trong năm 2017, Công ty đã tiến hành đo kiểm môi trường lao động tại các đơn vị với tổng số mẫu đo là 761 mẫu, hầu như các mẫu đo đều đạt theo yêu cầu các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh lao động. Chi phí thực hiện quan trắc là 50,015 triệu đồng.
- Công tác PCCC được thực hiện theo quy định của Luật PCCC. Các đơn vị trực thuộc đều đã có phương án PCCC được cảnh sát PCCC địa phương phê duyệt. Năm 2017 đã huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho 96 đội viên chữa cháy, phổ biến kiến thức về PCCC cho 477 lượt người, với chi phí 62 triệu đồng. Các trong thiết bị PCCC được kiểm tra thường xuyên và thực hiện bảo dưỡng theo đúng định kỳ hàng tháng. Trong năm, các đơn vị của công ty tham dự cuộc thi kiểm tra nghiệp vụ PCCC của cảnh sát PCCC Đồng Nai tổ chức, có 2 đơn vị đạt danh hiệu điển hình tiên tiến về công tác PCCC.

- Về công tác an toàn hoá chất: Công ty thực hiện kiểm soát an toàn hóa chất theo quy định, bao gồm các hoạt động khai báo, lập dữ liệu an toàn, kiểm soát mua bán hoá chất... các đơn vị đã có kế hoạch/biện pháp ứng phó sự cố hoá chất. Năm 2017 đã thực hiện thao duyệt ứng phó sự cố hoá chất theo kế hoạch/biện pháp phòng ngừa sự cố hoá chất đã được phê duyệt của đơn vị.
- Năm 2017 thực hiện huấn luyện an toàn hóa chất cho 341 lượt người lao động trực tiếp làm việc với hóa chất và 03 lái xe vận chuyển hóa chất của công ty. Cán bộ lãnh đạo và quản lý được tập huấn đầy đủ theo quy định của Luật Hóa chất.

Thực hiện công tác bảo vệ môi trường năm 2017

- Kế hoạch bảo vệ môi trường 2017: 9.671.815.000 đồng
- Thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường: 7.125.823.000 đồng.
- Chi phí thực hiện công tác BVMT thấp hơn so với kế hoạch chủ yếu do chi phí xử lý chất thải rắn công nghiệp giảm. Các đơn vị thực hiện mục tiêu giảm chất thải rắn phát sinh thông qua kiểm soát chất lượng nguyên liệu và tăng hiệu quả sản xuất.

Tổng hợp tình hình thực hiện các hoạt động BVMT trong năm 2017:

- Công tác quan trắc môi trường được thực hiện định kỳ 4 lần/năm đối với các đơn vị sản xuất và 2 lần/năm đối với Chi nhánh Tân Bình. Giá trị thực hiện: 619.441.000 đồng.
- Nước thải và khí thải, chất thải rắn phát sinh được kiểm soát, thu gom xử lý 100% theo yêu cầu luật định.
- Kiểm soát và xử lý nước thải và khí thải đạt yêu cầu các quy chuẩn quốc gia trước khi thải ra môi trường. Giá trị thực hiện là 2.358.241.000 đồng.
- Quản lý chất thải rắn bao gồm chất thải công nghiệp nguy hại và không nguy hại, chất thải sinh hoạt giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định. Giá trị thực hiện 3.686.945.000 đồng.
- Cải tiến trong công tác bảo vệ môi trường được khuyến khích thực hiện nhằm giảm thiểu đến mức tối đa các tác động đến môi trường từ quá trình sản xuất. Trong năm 2017 có 6 cải tiến về môi trường, duy trì được hoạt động tái sử dụng nước thải. Tổng lượng nước được tái sử dụng trong năm là 47.640m³ với giá trị tiết kiệm tương đương 476 triệu đồng.
- Công tác truyền thông, giáo dục về bảo vệ môi trường được chú trọng thực hiện thông qua việc triển khai hệ thống trách nhiệm xã hội tự nguyện các doanh nghiệp hóa chất RC nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ công nhân viên tại nơi làm việc cũng như tại địa phương nơi cư trú.
- Tình hình duy trì áp dụng hệ thống trách nhiệm xã hội tự nguyện (Responsible Care): nhằm mục tiêu nâng cao ý thức tự giác của người lao động đối với nhiệm vụ bảo vệ môi trường và gìn giữ an toàn lao động, các đơn vị tiếp tục duy trì áp dụng 02 quy phạm RC là kiểm soát quá trình và kiểm soát ô nhiễm. Đồng thời tại Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 đã triển khai thử nghiệm áp dụng quy phạm về chăm sóc sức khỏe để tiến tới triển khai cho toàn bộ các đơn vị trực thuộc của công ty.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ TRIỂN VỌNG NGÀNH

Các sản phẩm hóa chất cơ bản phục vụ hầu hết cho các ngành kinh tế trong nước, đặc biệt là các ngành công nghiệp. Chính vì vậy, nhu cầu đối với ngành hóa chất cũng sẽ phụ thuộc vào sự phát triển nền kinh tế nói chung và tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp nói riêng. Ngày 06/03/2017, Bộ Công Thương đã phê duyệt “Quy hoạch phát triển sản xuất các sản phẩm hoá chất cơ bản Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035” với mục tiêu duy trì phát triển sản xuất các sản phẩm hoá chất cơ bản Việt Nam, tăng trưởng bình quân chỉ số sản xuất công nghiệp



đạt 9-10.năm, góp phần đưa ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam tăng trưởng bình quân 14-16%/năm. Tầm nhìn đến năm 2035 là mở rộng, nâng công suất các dây chuyền sản xuất xút tại miền Nam lên 200.000 tấn/năm hoặc đầu tư mới Tổ hợp CA/EDC/VCM – dây chuyền xút công suất 100.000 tấn/năm và VCM công suất 200.000 tấn/năm, tăng sản lượng sản phẩm VCM đáp ứng nhu cầu thị trường nội địa. Nhu cầu nội địa cho các sản phẩm hóa chất đang rất cao, trong khi nguồn cung còn thấp, cho thấy thị phần của thị trường còn rất nhiều.

Ngành hóa chất Việt Nam sản xuất các loại hóa chất công nghiệp và nông nghiệp từ những nguyên liệu đầu vào như dầu, khí tự nhiên, các loại khoáng chất và khoáng sản. Sản phẩm đầu ra của ngành chủ yếu là phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, hóa dầu, hóa

chất cơ bản, điện hóa học, khí công nghiệp, hóa chất tẩy rửa, sơn và mực in, đây là những sản phẩm rất cần thiết phục vụ sinh hoạt và các ngành kinh tế khác. Trong điều kiện kinh tế như hiện nay, yêu cầu mở rộng của các ngành kinh tế khác, đặc biệt là ngành công nghiệp cũng sẽ kéo theo sự tăng trưởng về nhu cầu đối với các sản phẩm của ngành, trong đó nhóm phân bón và hóa chất cơ bản được kỳ vọng có tốc độ tăng trưởng cao. Tuy nhiên, một yếu điểm của ngành hóa chất là khả năng cung ứng nguyên liệu đầu vào còn yếu. Phần lớn nguyên liệu cho ngành hóa chất phải nhập khẩu, gây nên áp lực lớn về giá chi phí đầu vào và những rủi ro liên quan đến tỷ giá. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến giá cả sản phẩm đầu ra và biên lợi nhuận của doanh nghiệp.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam là một trong những doanh nghiệp sản xuất hóa chất cơ bản hàng đầu tại Việt Nam. Sản phẩm hóa chất của Công ty là nguyên liệu sản xuất của các ngành sản xuất khác trong nền kinh tế quốc dân. Thị trường đầu ra của Công ty hiện nay đang tập trung đáp ứng nhu cầu của các ngành công nghiệp như: thực phẩm, dược phẩm, xử lý nước sinh hoạt, xử lý nước thải, sản xuất giấy, dệt nhuộm, nhiệt điện, dầu khí...

Trước những thuận lợi và khó khăn chung của nền kinh tế cũng như ngành hóa chất Việt Nam, trong năm qua công ty đã tập trung mọi nỗ lực nhằm khai thác đồng bộ và có hiệu quả năng suất của các nhà máy, cơ sở sản xuất, không ngừng nâng cao trình độ tay nghề của nguồn nhân lực, đẩy mạnh công tác an toàn và vệ sinh môi trường.

Nhờ vậy, Hóa chất Cơ bản miền Nam đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận:

Hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong tình hình kinh tế có nhiều biến động, toàn Công ty đã giữ vững ổn định sản xuất về công suất, chất lượng và tiêu thụ tốt sản phẩm với giá cả linh hoạt; sản xuất luôn gắn liền với an toàn lao động, vệ sinh môi trường, tăng trưởng bền vững và đạt hiệu quả kinh tế phù hợp. Duy trì hoạt động ổn định của máy móc thiết bị, giữ vững và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, tích cực tìm kiếm thêm những nguồn cung ứng vật tư nguyên liệu, thiết bị để có giá cạnh tranh phục vụ cho sản xuất và dự phòng, thực hiện rà soát và điều chỉnh lại hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật. Tiếp tục triển khai một cách đồng bộ, có hệ thống và chính quy công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

Tiếp tục duy trì mối quan hệ hợp tác lâu dài, bền vững với các đối tác trong và ngoài nước trên nguyên tắc hai bên cùng có lợi để cùng nhau phát triển.

Chú trọng đẩy mạnh công tác bán hàng, marketing, phát triển mạng lưới khách hàng thường xuyên, tạo cơ sở vững chắc cho hoạt động kinh doanh của từng đơn vị thành viên trong Công ty.

Hoàn thiện và ổn định các dây chuyền sản xuất hiện hữu, tiến hành nghiên cứu phát triển sản phẩm mới nhằm đa dạng hóa sản phẩm.

Song song với công tác phát triển thị trường, Công ty cũng không ngừng tăng cường công tác quản lý hiệu quả hoạt động bán hàng, bảo đảm tính chủ động, tích cực trong công việc bán hàng tăng sản lượng và doanh thu tiêu thụ, đồng thời quản lý công nợ bán hàng, xác định thời hạn thanh toán hợp lý, tăng nhanh vòng quay của vốn, an toàn vốn trong sản xuất kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hoạt động sản xuất kinh doanh

Thực hiện có hiệu quả hoạt động sản xuất và các công tác liên quan, kết thúc năm 2017, tình hình kinh doanh của công ty đã đạt được một số thành tựu nhất định. Cụ thể như sau:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2016	2017	YoY
1	Doanh thu thuần	1.541.132,06	1.465.857,35	-4,88%
2	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	242.034,173	310.521,674	28,30%
3	Lợi nhuận khác	-13.093,57	-2.271,68	-82,65%
4	Lợi nhuận trước thuế	228.940,60	308.249,99	34,64%
5	Lợi nhuận sau thuế	180.350,44	245.793,49	36,29%

Hoạt động đầu tư

Công ty đẩy mạnh hoạt động đầu tư để hoàn thiện quy trình, từng bước ổn định nâng cao năng lực sản xuất của các dây chuyền sản xuất hiện hữu, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, kho bãi... phục vụ công tác lưu trữ hàng hóa.

Kết quả thực hiện công tác đầu tư trong năm như sau:

- Vốn đầu tư kế hoạch do ĐHCĐ đề ra: 252 tỷ đồng.
- Vốn đầu tư đã thực hiện: 45,530 tỷ đồng, đạt 18,07% so với kế hoạch.

Tình hình quản lý các dự án đầu tư:

Đối với dự án "Đầu tư bình điện phân công suất 10.000 tấn NaOH 100%/năm thay thế 2 bình điện phân DD350 tại Nhà máy Hoá chất Biên Hoà": dự án đã được gia hạn tiến độ đến quý 2/2019 (Quyết định số 73/QĐ-HĐQT ngày 22/01/2018). Trong năm 2017 Công ty đã ký Hợp đồng số 136SBV ngày 22/05/2017 thực hiện gói thầu số 2 "Bình

điện phân và hệ thống phụ trợ". Hiện đơn vị tư vấn đang triển khai công tác tư vấn quản lý dự án, thiết kế bản vẽ thi công và lập dự toán (Hợp đồng số 36/2016/HĐTV/CECO-HC-CB ngày 28/09/2016).

Đối với Dự án thuê đất, thuê hạ tầng tại KCN Nhơn Trạch 6, tỉnh Đồng Nai: Công ty đã nhận được văn bản số 1366/TTg-CN ngày 12/09/2017 của Thủ tướng Chính phủ, đồng ý với ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc di dời 03 Nhà máy sản xuất hoá chất tại KCN Biên Hoà 1 của Công ty cổ phần Hoá chất cơ bản miền Nam vào KCN Nhơn Trạch 6. Công ty đã tổ chức xin ý kiến cổ đông bằng văn bản để làm cơ sở phê duyệt dự án.

Tại các đơn vị thành viên: hoạt động đầu tư trong năm chủ yếu mua sắm các trang thiết bị có công nghệ hiện đại để hoàn thiện và nâng cao năng lực sản xuất của các dây chuyền sản xuất hiện hữu, tăng cường sức mạnh trên thị trường.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hoạt động sản xuất kinh doanh

Lập kế hoạch tổng thể và chi tiết, theo dõi tình hình thực hiện các hợp đồng và kịp thời điều chỉnh kế hoạch thực hiện theo sát thực tế...

Hoạt động sửa chữa lớn

Công tác sửa chữa lớn luôn được Công ty chú trọng, nhằm bảo đảm sản xuất ổn định, nâng cao năng suất và chất sản phẩm.

Kết quả thực hiện công tác sửa chữa lớn trong năm 2017:

ĐVT: Triệu đồng

Nội dung	Kế hoạch			Thực hiện năm 2017			
	Tổng	Kế hoạch 2017	Năm 2016 chuyển sang	Tổng	Năm 2017	Năm 2016 chuyển sang	Dở dang chuyển tiếp sang 2018
Hạng mục	25	22	3	25	14	3	3
Giá trị	27.040	25.365	1.675	14.688	9.809	1.465	3.414

Giá trị thực hiện sửa chữa lớn tính đến 31/12/2017: 11,3 tỷ đồng, đạt 44% so với kế hoạch đã được duyệt.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong năm 2017, HĐQT đánh giá cao về hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ và thực hiện đúng đắn, đầy đủ nội dung các nghị quyết, quyết định của HĐQT một cách nhanh chóng, góp phần đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo định hướng phát triển mà HĐQT đã đề ra.

Trong lĩnh vực sản xuất, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã tập trung thực hiện các giải pháp áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào công tác quản lý vận hành, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ công nhân viên, vì vậy đã đảm bảo công tác sản xuất an toàn, liên tục và đảm bảo chất lượng sản phẩm và uy tín, thương hiệu Hóa chất cơ bản miền Nam.

Trong hoạt động đầu tư xây dựng, sửa chữa lớn, Ban TGD đã có những chỉ đạo quyết liệt, yêu cầu các đơn vị lập tiến độ thi công chi tiết. Nhờ sự điều hành linh hoạt, khoa học của Ban TGD trong năm qua phần lớn các công trình đầu tư xây dựng, sửa chữa lớn trong kế hoạch đã được triển khai đúng tiến độ, đảm bảo yêu cầu chất lượng sản phẩm. Các hoạt động sửa chữa đều được thực hiện theo đúng thủ tục và quy chế của Công ty, và đều phát huy tính hiệu quả, đáp ứng yêu cầu cần thiết cho duy tu, phục hồi hiện trạng bảo đảm an toàn và ổn định sản xuất.

Trong hoạt động chung, Ban TGD Công ty đã quan tâm song song cả hai mặt về nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng và củng cố đội ngũ CBCNV. Ban TGD Công ty đã chỉ đạo các đơn vị thường xuyên cải tiến dịch vụ khách hàng, nắm bắt, cập nhật thông tin về khách hàng một cách

thường xuyên, qua đó chăm sóc, phục vụ khách hàng nhanh chóng và chính xác. Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác phục vụ khách hàng, triển khai nhiều dịch vụ giá trị gia tăng cho khách hàng, qua đó phục vụ các đối tượng khách hàng ngày một tốt hơn, đảm bảo duy trì mạng lưới khách hàng tiềm năng và truyền thống của Công ty.

Trong thời gian tới, để đạt được các mục tiêu đề ra, Ban TGD Công ty cần quan tâm hơn nữa trong chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn lao động. Xây dựng định hướng kinh doanh tập trung vào việc nâng cao năng lực sản xuất; tiếp tục đầu tư cải tiến dây chuyền sản xuất cùng với áp dụng các công nghệ tiên tiến trong quản lý vận hành và kinh doanh; đẩy mạnh triển khai các dịch vụ giá trị gia tăng, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh thông qua tái cấu trúc lại mô hình tổ chức sản xuất, tiếp tục đào tạo nguồn nhân lực nhằm nâng cao năng suất lao động; mở rộng đầu tư hiệu quả vào các loại hình kinh doanh Công ty có lợi thế cạnh tranh nhằm mở rộng sản xuất và gia tăng lợi nhuận cho cổ đông Công ty.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Triển vọng kinh tế trong năm 2018

Năm 2017 có thể nói là một năm thành công của kinh tế Việt Nam khi là năm đầu tiên sau nhiều năm hoàn thành và hoàn thành vượt mức cả 13/13 chỉ tiêu kinh tế - xã hội do Quốc hội đề ra. Kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định cùng với những cải cách thể chế nhằm cải thiện môi trường đầu tư được Chính phủ chỉ đạo quyết liệt kỳ vọng sẽ phát huy hiệu quả, hỗ trợ tích cực hơn cho hoạt động kinh doanh trong năm 2018. Đặc biệt, việc tổ chức thành công sự kiện APEC cũng như đạt được thoả thuận Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) cũng sẽ mở ra nhiều cơ hội cho nền kinh tế Việt Nam trong những năm tới khi niềm tin của các nhà đầu tư nước ngoài liên tục được củng cố.

Dự báo triển vọng kinh tế năm 2018, Ủy ban Giám sát Tài chính quốc gia (NFSC) cho rằng, với những nền tảng tích cực của năm 2017, triển vọng năm 2018 tiếp tục khả quan. Ở trong nước, tổng cung của nền kinh tế được dự báo sẽ cải thiện nhờ hưởng lợi từ các chính sách cải thiện bên cung theo tinh thần Nghị quyết 19, Nghị quyết 35 của Chính phủ. Cụ thể, khu vực công nghiệp và xây dựng sẽ được hưởng lợi từ các chính sách khuyến khích ứng dụng công nghệ cao. Công nghiệp chế biến dự báo tiếp tục tăng trưởng khá nhờ sự mở rộng đầu tư của khu vực DN đầu tư trực tiếp nước ngoài. Khu vực dịch vụ cũng tiếp tục có khả năng tăng trưởng mạnh như trong hai năm vừa qua nhờ tăng trưởng bán buôn bán lẻ và lượng khách quốc tế đến Việt Nam tăng nhanh. Khu vực tư nhân sẽ vẫn là động lực chính cho tăng trưởng kinh tế trong năm 2018.

Tuy nhiên, NFSC cũng lưu ý những khó khăn của năm 2018, trong đó có việc thương mại toàn cầu nói chung và xuất khẩu của Việt Nam nói riêng sẽ chịu tác động bởi sự thay

đổi chính sách thương mại của Mỹ. Trong nước, các vấn đề nội tại của nền kinh tế như trình độ công nghệ thấp, đất đai, tài nguyên đang dần cạn kiệt trong khi năng suất, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế tuy có chuyển biến nhưng chưa thực sự đột phá.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều vấn đề nội tại cố hữu của nền kinh tế chưa được giải quyết triệt để sẽ là lực cản đối với nền kinh tế. Đó là động lực tăng trưởng kinh tế vẫn chưa đến từ việc tăng năng suất lao động. Năng suất lao động của Việt Nam vẫn thấp so với các nước trong khu vực, nếu không có những biện pháp tổng thể giúp nâng cao năng suất lao động trong tương lai gần, trong bối cảnh cơ cấu dân số vàng sắp đi qua, Việt Nam sẽ khó có thể duy trì được đà tăng trưởng như hiện nay.

Lợi thế về lao động giá rẻ sẽ càng ngày càng mất đi do tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Trong bối cảnh tài nguyên ngày càng cạn kiệt, sản xuất của ngành công nghiệp khai khoáng tiếp tục suy giảm, công nghiệp chế tạo chưa tạo ra được những đột phá mới, nông nghiệp vẫn đứng trước nhiều rủi ro lớn do tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu, áp lực tăng trưởng cho năm 2018 thực sự là một thách thức lớn.

Tiếp đến thâm hụt ngân sách và nợ công tăng cao tiếp tục là vấn đề nghiêm trọng cản trở nền kinh tế. Trong khi nguồn vốn chi đầu tư công còn hạn chế, chi thường xuyên vẫn ở mức cao tạo gánh nặng cho ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó, các nhà tài trợ nước ngoài sẽ lần lượt rút dần vốn khỏi Việt Nam và chỉ cho vay với các mức lãi suất kém ưu đãi hơn.



KẾ HOẠCH TRONG NĂM 2018 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trước bối cảnh triển vọng kinh tế trong nước và thế giới như vậy, Hội đồng quản trị Công ty đặt ra một số chỉ tiêu cần đạt được trong năm 2018 như sau:

Về hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	KH 2017	TH 2017	KH 2018	KH2018/ KH2017	KH2018/ TH2017
Tổng doanh thu tiêu thụ	1.461	1.466	1.362	93%	93%
Tổng số các khoản nộp ngân sách	142	167	130	92%	78%
Lợi nhuận trước thuế (riêng Công ty mẹ)	260	309	283	109%	92%

Về đầu tư

Kế hoạch ĐTXD năm 2018 là 461.797 tỷ đồng; trong đó 02 hạng mục có giá trị lớn là:

- Dự án “Đầu tư bình điện phân công suất 10.000 tấn NaOH 100%/năm thay thế 02 bình điện phân DD350 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa”, giá trị kế hoạch năm 2018 là 72.319 triệu đồng.
- Dự án “Thuê đất, thuê hạ tầng tại KCN Nhơn Trạch 6, tỉnh Đồng Nai”, giá trị kế hoạch năm 2018 là 373.160 triệu đồng.

KẾ HOẠCH TRONG NĂM 2018 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về công tác kinh doanh

- Tiếp tục nghiên cứu tìm nguồn nguyên liệu với giá cả hợp lý, ổn định, đảm bảo chất lượng để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh. Có dự báo kịp thời về nguồn nguyên liệu, xu hướng giá để có dự trữ nguyên liệu phù hợp và kịp thời, không để tồn đọng vốn lớn.
- Tìm kiếm thị trường xuất khẩu mới, đa dạng hóa mặt hàng xuất khẩu.
- Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin quản lý online.

Các giải pháp thực hiện kế hoạch

Để có thể hoàn thành tốt kế hoạch năm đã đề ra, đồng thời hạn chế tối đa những khó khăn mới phát sinh trong quá trình sản xuất – kinh doanh, năm 2018 HĐQT đã đưa ra các biện pháp như sau:

- Toàn Công ty giữ ổn định sản xuất về công suất, chất lượng và tiêu thụ tốt sản phẩm với giá cả linh hoạt; sản xuất luôn gắn với ATLD, vệ sinh môi trường, tăng trưởng bền vững và đạt hiệu quả kinh tế. Muốn làm tốt việc này, các Phòng nghiệp vụ Công ty phải phối hợp chặt chẽ với các Nhà máy trong các lĩnh vực như: duy trì hoạt động của máy móc thiết bị, giữ vững và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, tìm kiếm thêm những nguồn cung ứng vật tư nguyên liệu, thiết bị để có giá cạnh tranh phục vụ cho sản xuất và dự phòng, rà soát hệ thống định mức kinh tế – kỹ thuật. Tiếp tục triển khai một cách đồng bộ, có hệ thống và chính quy công tác ATLD, vệ sinh môi trường.
- Phòng Kế hoạch – Kinh doanh phối hợp với các đơn vị thực hiện các nhiệm vụ như:

Tìm kiếm thêm thị trường để mở rộng sản xuất kinh doanh các sản phẩm, quan tâm chăm sóc khách hàng.

Nghiên cứu và thường xuyên cập nhật thông tin về các đối tác để không xảy ra tình trạng nợ xấu.

Tích cực thu hồi công nợ, không để công nợ lớn ảnh hưởng đến nguồn vốn kinh doanh và hiệu quả hoạt động của các đơn vị cũng như toàn Công ty.

- Phòng Kế toán – Tài chính phối hợp với các Phòng nghiệp vụ Công ty: triển khai công tác kiểm tra rà soát các nghiệp vụ tài chính phát sinh tại các nhà máy và Văn phòng Công ty, kịp thời chỉnh sửa các phát sinh chưa hợp lý, hợp lệ trong quá trình sản xuất – kinh doanh hàng quý trước khi lập báo cáo quyết toán quý và năm. Tiếp tục quan hệ thật tốt với các Ngân hàng để đảm bảo nguồn vốn cho sản xuất và đầu tư. Quản lý đồng tiền, minh bạch trong mọi chi phí, rà soát lại những văn bản, quy chế tài chính, cập nhật những thông tin mới trong quản lý tiền vốn Nhà Nước. Nắm bắt những thông tin về tình hình tài chính thế giới để đưa ra những dự báo phù hợp.
- Chuẩn bị sẵn những phương án, dự án đầu tư phát triển để có thể triển khai ngay khi điều kiện cho phép.

Về công tác lao động, tiền lương:

Tiếp tục cải tiến công tác tiền lương theo hướng vừa đảm bảo pháp luật, đảm bảo công bằng, tương xứng nhằm khuyến khích những người lao động gắn bó với Công ty trên cơ sở xây dựng thang bảng điểm phù hợp thực tế. Đảm bảo luôn có những nguồn nhân lực bổ sung thay thế ngay khi có yêu cầu. Việc luân chuyển CBCNV trong nội bộ Công ty để phục vụ cho công tác phát triển hoặc cần sắp xếp lại bộ máy cho hợp lý phải được CBCNV trong toàn Công ty quán triệt và nghiêm túc thực hiện.

KẾ HOẠCH TRONG NĂM 2018 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các giải pháp thực hiện kế hoạch

- Xây dựng đội ngũ người lao động có trình độ chuyên môn, năng lực nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh trong giai đoạn hội nhập, phát triển.
- Về công tác đoàn thể: phối hợp với công đoàn, đoàn thanh niên phát động các phong trào thi đua, vận động cán bộ, đoàn viên cố gắng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ sản xuất năm 2018, đồng thời chăm lo cho đời sống vật chất - tinh thần của CBCNV trong Công ty ngày càng được tốt hơn.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Lê Văn Hùng	Chủ tịch HĐQT	2.500	0,006%
2	Nguyễn Hữu Thọ	Thành viên HĐQT	53.400	0,120%
3	Lê Phương Đông	Thành viên HĐQT	2.700	0,006%
4	Trịnh Hồng Vân	Thành viên HĐQT	3.400	0,008%
5	Bùi Thị Thanh Giang	Thành viên HĐQT	-	0%

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Không thành lập tiểu ban.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2017, các chỉ đạo của HĐQT tập trung chủ yếu trong lĩnh vực:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của đơn vị, tái cơ cấu sản xuất, xây dựng bổ sung và hoàn thiện các quy chế quản trị nội bộ.
- Công tác di dời 3 nhà máy tại KCN Biên Hoà 1, tỉnh Đồng Nai.
- Công tác chuẩn bị, tổ chức, tiến hành ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.
- Triển khai, thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 đã quyết nghị ngày 21/04/2017.
- Thực hiện chi trả cổ tức đợt 2 năm 2016 và tạm ứng cổ tức đợt 1, đợt 2 năm 2017.
- Xem xét về việc trả lại các khu đất thuê Công ty không còn nhu cầu sử dụng cho Nhà nước quản lý.
- Thực hiện việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc thoái toàn bộ vốn đầu tư của Công ty tại Công ty cổ phần Phốt pho Việt Nam.
- Triển khai việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về dự án thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng tại KCN Nhơn Trạch 6, tỉnh Đồng Nai.
- Các nội dung khác theo thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị với Ban Tổng Giám đốc

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc được thực hiện theo Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế quản trị Công ty... Tại các phiên họp thường kỳ, HĐQT đã yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo về mọi mặt hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, HĐQT cũng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo định kỳ và khi có yêu cầu.

Căn cứ quy định của Điều lệ, Quy chế hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc phải hoạch định, xây dựng và đăng ký kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể trong từng giai đoạn của Công ty, của từng đơn vị trực thuộc và của từng thành viên Ban Tổng giám đốc bằng văn bản, đồng thời phải báo cáo HĐQT các nội dung trên.

Trong năm, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp cụ thể như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ dự họp (%)
1	Ông Lê Văn Hùng	Chủ tịch HĐQT	4	100
2	Ông Nguyễn Hữu Thọ	Thành viên HĐQT	4	100
3	Ông Lê Phương Đông	Thành viên HĐQT	4	100
4	Ông Trịnh Hồng Vân	Thành viên HĐQT	4	100
5	Bà Bùi Thị Thanh Giang	Thành viên HĐQT	4	100

STT	Số nghị quyết/ quyết định	Ngày	Nội dung
1	34/QĐ-HCCB	12/01/2017	Về việc phê duyệt kế hoạch sửa chữa lớn năm 2017
2	79/QĐ-HCCB	24/01/2017	Về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư năm 2017
3	114/QĐ-HĐQT	14/02/2017	Về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản tại Mỏ Bô xít Bảo Lộc
4	155/QĐ-HĐQT	08/03/2017	Về việc phê duyệt quỹ tiền lương người lao động năm 2016

Các nghị quyết, quyết định của HĐQT trong năm 2017

STT	Số nghị quyết/ quyết định	Ngày	Nội dung
5	156/NQ-HĐQT	08/03/2017	Về việc tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2017
6	216/QĐ-HĐQT	27/03/2017	Về việc ban hành quy chế quản lý nợ của Công ty cổ phần Hoá chất cơ bản miền Nam
7	260/NQ-HĐQT	04/04/2017	Về việc kỳ họp thứ 13 nhiệm kỳ 2014-2018
8	277/NQ-HĐQT	14/04/2017	Về việc kỳ họp thứ 14 nhiệm kỳ 2014-2018
9	351/QĐ-HĐQT	15/05/2017	Về việc ban hành bộ định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu năm 2017
10	352/NQ-HĐQT	15/05/2017	Về việc chi trả cổ tức năm 2016 đợt 2 và tạm ứng đợt 1 năm 2017 bằng tiền
11	353/QĐ-HĐQT	15/05/2017	Về việc chi thưởng tập thể HĐQT, Ban điều hành, BKS năm 2016
12	387/QĐ-HĐQT	23/05/2017	Về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ (sửa đổi lần 1)
13	412/QĐ-HCCB	01/06/2017	Về việc ban hành Quy chế mua hàng (sửa đổi lần 1)
14	448/NQ-HĐQT	21/06/2017	Nghị quyết về việc lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính 2017
15	449/QĐ-HĐQT	21/06/2017	Về việc thành lập hội đồng kiểm kê hàng tồn kho năm 2017
16	450/QĐ-HĐQT	21/06/2017	Về việc phê duyệt xử lý hàng tồn kho, hư hỏng, mất phẩm chất tại Nhà máy Hoá chất Biên Hoà
17	540/QĐ-HĐQT	18/07/2017	Về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2017 (điều chỉnh)

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các nghị quyết, quyết định của HĐQT trong năm 2017

STT	Số nghị quyết/ quyết định	Ngày	Nội dung
18	553/QĐ-HĐQT	21/07/2017	Về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản của Tổ Muối thuộc phân xưởng Muối – Nhà máy Hoá Chất Biên Hoà
19	571/HCB-HĐQT	25/07/2017	Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật “Đầu tư mua sắm thiết bị lẻ năm 2017 tại Nhà máy Hoá chất Tân Bình 2 và Nhà máy Hoá chất Đồng Nai”
20	694/NQ-HĐQT	19/09/2017	Nghị quyết về kỳ họp thứ 15, nhiệm kỳ 2014 – 2018
21	702/NQ-HĐQT	20/09/2017	Nghị quyết về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc thoái toàn bộ vốn đầu tư của Công ty cổ phần Hoá chất cơ bản Miền Nam (CSV) tại Công ty cổ phần Phốt Pho Việt Nam
22	715/QĐ-HĐQT	22/09/2017	Về việc ban hành “Chương trình hành động của Công ty cổ phần Hoá chất cơ bản miền Nam về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016 – 2020”
23	716/QĐ-HĐQT	22/09/2017	Về việc ban hành “Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2017 của Công ty cổ phần Hoá chất cơ bản miền Nam”
24	739/NQ-HĐQT	03//10/2017	Nghị quyết về kỳ họp thứ 16, nhiệm kỳ 2014 – 2018
25	752/NQ-HĐQT	09/10/2016	Nghị quyết về việc chi trả tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2017 bằng tiền
26	924/QĐ-HĐQT	01/12/2017	Về việc cử đoàn cán bộ đi công tác ngắn hạn tại Trung Quốc
27	930/QĐ-HĐQT	04/12/2017	Về việc phê duyệt dự án “Mua sắm thiết bị tại Nhà máy Hoá chất Biên Hoà”
28	965/QĐ-HĐQT	15/12/2017	Về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2017 (điều chỉnh quý 4/2017)
29	970/NQ-HĐQT	18/12/2017	Nghị quyết về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về dự án thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng tại KCN Nhơn Trạch 6, tỉnh Đồng Nai
30	985/QĐ-HĐQT	21/12/2017	Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án “Cải tạo cơ sở hạ tầng tại Chi nhánh Tân Bình”
31	1010/QĐ-HĐQT	29/12/2017	Về việc phê duyệt giá thanh lý tài sản Tổ Muối thuộc phân xưởng Muối – Nhà máy Hoá chất Biên Hoà

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Không có

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Các khoá đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty:

- Chương trình đào tạo Quản trị công ty cho các Công ty cổ phần đại chúng;
- Tham gia tập huấn, hội thảo các lớp liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ do Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM tổ chức.

BAN KIỂM SOÁT

Cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Đỗ Thị Thoa	Trưởng ban	0	0%
2	Lê Thúy Mai	Thành viên	0	0%
3	Lê Tùng Lâm	Thành viên	1.500	0,0034%

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

Trong năm 2017, BKS nhận thấy HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành đã thể hiện trách nhiệm cao, cẩn trọng trong công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh, luôn vì lợi ích chung của Công ty, chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần của người lao động:

HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành đã tuân thủ các quy định của pháp luật trong công tác quản lý hành chính, trong các giao dịch và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao.

Các Nghị quyết của HĐQT đều được ban hành một cách hợp lệ trên cơ sở biên bản họp HĐQT hoặc Phiếu xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản và đúng với thẩm quyền quy định tại Điều lệ Công ty.

Ban điều hành đã bám sát các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, vừa kiên trì với mục tiêu định hướng, vừa có quyết định phù hợp với thực tiễn, thực hiện nhiều giải pháp về quản lý, kỹ thuật... nhằm thực hiện các mục tiêu mà ĐHCĐ đã giao.

BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

HĐQT đã ban hành, sửa đổi kịp thời các quy trình, quy chế nội bộ áp dụng vào thực tiễn một cách khoa học và có hiệu quả trong hoạt động SXKD.

HĐQT, Ban TGD điều hành có những phương án chỉ đạo, giải quyết các vướng mắc, khó khăn trong điều hành, quản lý sản xuất, đồng thời đưa ra các giải pháp tối ưu nhất góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, hướng tới sự phát triển bền vững, mang lại lợi ích chung cho cổ đông và Công ty.

Trong năm 2017 không có bất kỳ xung đột lợi ích nào với những người liên quan.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc điều hành luôn tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Ban Kiểm soát đã có sự phối hợp tốt với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các phòng ban chuyên môn, các đơn vị trực thuộc. Do đó, BKS có điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Các hoạt động khác của Ban Kiểm soát

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) đối với Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Tổng Giám đốc Công ty.
- Xem xét tính phù hợp các Quyết định của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành trong công tác quản lý, kiểm tra trình tự thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Thực hiện các đợt kiểm tra đánh giá các quy trình trọng yếu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như: mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ; thực hiện cơ chế, chính sách bán hàng; quản lý vật tư, hàng hóa, thành phẩm, công nợ, chi phí và đầu tư tại Công ty cũng như tại các đơn vị trực thuộc nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc thiếu sót. Từ đó đề xuất, kiến nghị với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành xem xét.
- Phối hợp với Phòng Kế toán - Tài chính, Phòng Nhân sự - Hành chính, Phòng Thiết bị - Công nghệ tiến hành rà soát các hoạt động liên quan đến chi phí sản xuất, tiền lương, chế độ, chính sách cho người lao động, định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu trong năm.
- Giám sát việc triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ của HĐQT, Ban điều hành.
- Kiểm tra, thẩm định BCTC quý, 06 tháng, năm nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính, đồng thời phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán.
- Giám sát việc thực thi pháp luật và thực hiện các quy chế, quy định mà Công ty đã ban hành, cũng như xem xét, kiến nghị Công ty xây dựng, bổ sung, ban hành các quy chế nội bộ.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT.

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và Tên	Năm 2017		
		Lương (VND/năm)	Thưởng (VND/năm)	Thù lao (VND/năm)
I	Hội đồng quản trị			
1	Lê Văn Hùng	467.803.893	435.547.396	96.000.000
2	Nguyễn Hữu Thọ	432.601.738	313.814.501	72.000.000
3	Lê Phương Đông			72.000.000
4	Trịnh Tuấn Minh			4.800.000
5	Phạm Thanh Tùng			4.800.000
6	Trịnh Hồng Vân			67.200.000
7	Bùi Thị Thanh Giang			67.200.000
II	Ban kiểm soát			
1	Đỗ Thị Thoa	314.419.869	173.460.911	
2	Lê Tùng Lâm		176.380.818	48.000.000
3	Lê Thúy Mai		8.250.000	49.600.000
III	Ban Điều hành			
1	Nguyễn Hữu Thọ	Mục I.2		
2	Lê Thanh Bình	344.606.042	304.190.630	
3	Hoàng Minh Đức	359.285.065	256.405.684	
4	Nguyễn Hoài Phú	326.496.081	298.550.430	
5	Lê Thị Ngọc Diệp	328.401.591	246.591.287	
IV	Thư ký công ty			
1	Võ Thị Diễm Hằng		105.406.273	48.000.000
2	Lê Tùng Lâm	Mục II.2		

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty

Không phát sinh giao dịch

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Trong năm 2017, Công ty có thực hiện một số giao dịch với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành đang là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành:

Người có liên quan	Mối quan hệ	Đơn vị tính	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ				
Công ty cổ phần Phốt Pho Việt Nam	Công ty con	VNĐ	4.434.509.047	10.089.046.295
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa, tài sản				
Công ty cổ phần Phốt Pho Việt Nam	Công ty con	VNĐ	22.751.565.116	25.906.644.000

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty luôn duy trì công tác cập nhật các quy định do Ủy ban chứng khoán Nhà nước ban hành và nghiêm túc triển khai áp dụng vào công tác quản trị nội bộ công ty.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH





Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

*Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017*



Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 44



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017.

CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam là doanh nghiệp nhà nước thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam được cổ phần hóa theo Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa số 248/QĐ-HCVN ngày 28/7/2013 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam. Công ty được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0301446260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 02 tháng 01 năm 2014 và thay đổi lần thứ 9 ngày 05 tháng 02 năm 2016.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2017 là: **442,000,000,000 VND**

Địa chỉ: Số 22 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đầu

Chi tiết: Sản xuất hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở)

- Khai khoáng khác chưa được phân vào đầu

Chi tiết: Khai thác và chế biến khoáng sản bauxite (không hoạt động tại trụ sở)

- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu

Chi tiết: Chế biến các sản phẩm muối ăn dùng trong thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở)

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu

Chi tiết: Bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp

- Sản xuất máy chuyên dụng khác

Chi tiết:

Sản xuất vật tư, thiết bị ngành hóa chất (không hoạt động tại trụ sở);

Gia công, chế tạo, lắp đặt thiết bị chuyên dùng, đường ống công nghệ và đường ống dùng trong ngành cấp thải nước công nghiệp (không chịu áp lực - trừ tái chế phế thải kim loại, xi mạ điện, luyện kim đúc).

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp

Chi tiết: Lắp đặt thiết bị chuyên dùng, đường ống công nghệ và đường ống dùng trong ngành cấp thải nước công nghiệp (không chịu áp lực - trừ tái chế phế thải kim loại, xi mạ điện, luyện kim đúc)

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị ngành hóa chất.

- Hoạt động thiết kế chuyên dụng

Chi tiết: Nghiên cứu, thiết kế dây chuyền sản xuất hóa chất; Thiết kế thiết bị sản xuất hóa chất (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty con:

Công ty Cổ phần Phốt Pho Việt Nam

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Lương, Thị trấn Tăng Lương, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai.

- Tỷ lệ vốn góp: 65.05%

- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 65.05%

- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 65.05%

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:**

Các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
Nhà máy Hóa chất Biên Hòa	Đồng Nai
Nhà máy Hóa chất Đồng Nai	Đồng Nai
Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2	Đồng Nai
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa Chất Cơ Bản Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh
Mỏ Bauxit Báo Lộc	Lâm Đồng

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2017 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2017 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ trường hợp công ty mẹ sẽ thoái vốn tại Công ty CP Phốt Pho Việt Nam theo nghị quyết số 02/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/11/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Lê Văn Hùng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Thọ	Thành viên
Ông Lê Phương Đông	Thành viên
Bà Bùi Thị Thanh Giang	Thành viên
Ông Trịnh Hồng Văn	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Thọ	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoài Phú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đỗ Thị Thoa	Trưởng ban
Bà Lê Thúy Mai	Ủy viên
Ông Lê Tùng Lâm	Ủy viên

Đại diện theo pháp luật:

Ông Nguyễn Hữu Thọ

Kế toán trưởng:

Bà: Lê Thị Ngọc Diệp

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2018

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

 Ông Nguyễn Hữu Thọ

Số: 52/BCKT/TC/2018/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc
của CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam, được lập ngày 29/01/2018, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. HCM, ngày 01 tháng 03 năm 2018
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính



Kế toán và Kiểm toán Phía Nam
Phụ Tổng Giám đốc

Đỗ Khắc Thanh

Số giấy CNDKHN kiểm toán: 0064-2018-142-1

Kiểm toán viên

A blue ink signature is written over a horizontal line.

Dương Nguyên Thúy Mai

Số giấy CNDKHN kiểm toán: 0848-2018-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

MA số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		986.051.895.081	900.149.422.164
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	485.243.734.579	483.083.735.355
111	1. Tiền		85.243.734.579	61.083.735.355
112	2. Các khoản tương đương tiền		400.000.000.000	422.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.02	100.000.000.000	
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.02	100.000.000.000	
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		197.610.521.927	199.719.520.614
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	193.905.174.506	202.221.171.205
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		12.160.595.067	18.694.609.648
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác (*)	V.04	8.560.315.894	4.312.027.755
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(17.015.563.540)	(25.508.287.994)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý (*)	V.05		
140	IV. Hàng tồn kho	V.07	193.630.378.157	207.639.349.783
141	1. Hàng tồn kho (*)		194.061.001.814	225.392.874.559
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(430.623.657)	(17.753.524.776)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		9.567.260.418	9.706.816.412
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.09	1.157.170.882	2.094.435.788
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		7.498.170.098	3.559.670.823
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		911.919.438	4.052.709.801
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		102.774.835.867	111.382.972.857
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		17.681.574.425	2.368.447.356
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.04	17.681.574.425	2.368.447.356
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi			
220	II. Tài sản cố định		74.278.531.797	100.838.286.196
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	72.420.634.028	100.595.793.141
222	- Nguyên giá		917.586.062.297	905.988.586.061
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(845.165.428.269)	(805.392.792.920)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn lũy kế			
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.11	1.857.897.769	242.493.055
228	- Nguyên giá		3.313.800.256	1.557.828.875
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.455.902.487)	(1.315.335.820)
230	III. Bất động sản đầu tư			
231	- Nguyên giá			
232	- Giá trị hao mòn lũy kế			
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	V.08	6.473.261.204	4.792.257.640
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		6.473.261.204	4.792.257.640
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.02		
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn			
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
260	V. Tài sản dài hạn khác		4.341.468.441	3.383.981.665
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.09	4.341.468.441	3.383.981.665
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
269	5. Lợi thế thương mại			
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.088.826.730.948	1.011.532.395.021



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
300	C . NỢ PHẢI TRẢ		269.956.117.399	298.238.602.825
310	I. Nợ ngắn hạn		263.934.523.387	295.800.902.825
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	31.483.281.190	43.316.957.698
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		698.355.552	523.683.686
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (*)	V.14	20.746.467.619	16.394.048.693
314	4. Phải trả người lao động		48.426.725.664	54.447.503.226
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.15	3.604.910.259	5.067.355.848
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
319	9. Phải trả ngắn hạn khác (*)	V.16	9.279.736.130	875.809.811
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.12	118.705.181.578	154.527.989.620
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn (*)	V.17	12.771.138.679	1.960.877.740
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		18.218.726.716	18.686.676.501
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	II. Nợ dài hạn		6.021.594.012	2.437.700.000
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác			
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.12	6.021.594.012	2.437.700.000
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.18	818.870.613.549	713.293.792.196
410	I. Vốn chủ sở hữu		818.870.613.549	713.293.792.196
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		442.000.000.000	442.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		442.000.000.000	442.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		9.506.484	9.506.484
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		22.951.530.000	22.951.530.000
415	5. Cổ phiếu quỹ			
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(25.413.193.278)	(25.413.193.278)
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		116.925.568.549	64.100.432.344
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		11.949.121.722	11.949.121.722
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		225.476.054.767	166.971.736.770
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		29.286.570.576	26.336.274.947
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này (*)		196.189.484.191	140.635.461.823
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
423	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		24.972.025.305	30.724.658.154
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.088.826.730.948	1.011.532.395.021

(*) Số liệu đầu kỳ được điều chỉnh hồi tố theo Biên bản của Kiểm toán nhà nước ngày 12/08/2017, xem thuyết minh VIII.7.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2018

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



PHẠM THỊ THU HẰNG



LÊ THỊ NGỌC DIỆP



NGUYỄN HỮU THỌ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VL01	1.465.857.350.493	1.541.132.057.558
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VL02		
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.465.857.350.493	1.541.132.057.558
11	4. Giá vốn hàng bán (*)	VL03	1.049.885.438.094	1.136.591.093.917
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		415.971.912.399	404.540.963.641
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VL04	24.292.091.003	19.383.012.814
22	7. Chi phí tài chính	VL05	4.355.604.378	8.809.979.609
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.860.389.887	8.086.380.512
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết			
25	9. Chi phí bán hàng (*)	VL06	73.656.120.900	76.169.357.995
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp (*)	VL06	51.730.604.048	96.910.465.935
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		310.521.674.076	242.034.172.916
31	12. Thu nhập khác	VL07	853.091.050	644.108.292
32	13. Chi phí khác	VL08	3.124.773.922	13.737.678.033
40	14. Lợi nhuận khác		(2.271.682.872)	(13.093.569.741)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		308.249.991.204	228.940.603.175
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành (*)	VL10	62.456.502.570	48.571.995.013
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VL11		18.164.822
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		245.793.488.634	180.350.443.340
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		240.235.301.283	176.283.794.975
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		5.558.187.351	4.066.648.365
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VL12	5.015	3.680

(*) Số liệu năm 2016 được điều chỉnh hồi tố theo Biên bản của Kiểm toán nhà nước ngày 12/08/2017, xem thuyết minh VIII.7.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

PHẠM THỊ THU HẰNG

Kế toán trưởng

LÊ THỊ NGỌC DIỆP

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



NGUYỄN HỮU THỌ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		308.249.991.204	228.940.603.175
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	02		40.799.474.813	82.011.883.438
- Các khoản dự phòng (*)	03		(15.005.364.634)	31.595.233.069
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		149.410.232	151.289.941
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(23.455.207.987)	(17.450.253.868)
- Chi phí lãi vay	06		3.860.389.887	8.086.380.512
- Các khoản điều chỉnh khác.	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		314.598.693.515	333.335.136.267
- Tăng, giảm các khoản phải thu (*)	09		6.591.319.377	26.940.379.045
- Tăng, giảm hàng tồn kho (*)	10		31.331.872.745	44.920.084.769
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) (*)	11		(29.249.821.759)	(34.120.666.355)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(20.221.870)	21.557.416.486
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.862.628.503)	(8.224.905.968)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(53.811.957.030)	(60.810.120.408)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		20.000.000	50.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(11.923.796.866)	(15.956.997.408)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		253.673.459.609	307.690.326.428
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(20.122.981.618)	(12.455.807.047)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22			89.456.350
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(100.000.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			550.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21.554.291.320	16.410.897.994
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(98.568.690.298)	4.594.547.297

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		345.316.104.053	578.674.458.733
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(377.570.539.652)	(632.034.961.166)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(120.680.613.000)	(72.486.246.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(152.935.048.599)	(125.846.749.033)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		2.169.720.712	186.438.124.692
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		483.083.735.355	296.640.280.679
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		(9.721.488)	5.329.984
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1.	485.243.734.579	483.083.735.355

(*) Số liệu năm 2016 được điều chỉnh hồi tố theo Biên bản của Kiểm toán nhà nước ngày 12/08/2017, xem thuyết minh VIII.7.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



PHẠM THỊ THU HẰNG



LÊ THỊ NGỌC
DIỆP



NGUYỄN HỮU THỌ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam là doanh nghiệp nhà nước thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam được cổ phần hóa theo Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa số 248/QĐ-HCVN ngày 28/7/2013 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam. Công ty được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0301446260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 02 tháng 01 năm 2014 và thay đổi lần thứ 9 ngày 05 tháng 02 năm 2016.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2017 là: **442.000.000.000 VND**

Địa chỉ: Số 22 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đầu

Chi tiết: Sản xuất hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở)

- Khai khoáng khác chưa được phân vào đầu

Chi tiết: Khai thác và chế biến khoáng sản bauxite (không hoạt động tại trụ sở)

- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu

Chi tiết: Chế biến các sản phẩm muối ăn dùng trong thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở)

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu

Chi tiết: Bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp

- Sản xuất máy chuyên dụng khác

Chi tiết:

Sản xuất vật tư, thiết bị ngành hóa chất (không hoạt động tại trụ sở);

Gia công, chế tạo, lắp đặt thiết bị chuyên dùng, đường ống công nghệ và đường ống dùng trong ngành cấp thải nước công nghiệp (không chịu áp lực - trừ tái chế phế thải kim loại, xi mạ điện, luyện kim đúc).

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp

Chi tiết: Lắp đặt thiết bị chuyên dùng, đường ống công nghệ và đường ống dùng trong ngành cấp thải nước công nghiệp (không chịu áp lực - trừ tái chế phế thải kim loại, xi mạ điện, luyện kim đúc)

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị ngành hóa chất.

- Hoạt động thiết kế chuyên dụng

Chi tiết: Nghiên cứu, thiết kế dây chuyền sản xuất hóa chất; Thiết kế thiết bị sản xuất hóa chất (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không có



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

6. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách công ty con:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Phốt Pho Việt Nam	- Địa chỉ: Khu công nghiệp Tầng Lông, Thị trấn Tầng Lông, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai.	65,05%

- Danh sách các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Hóa chất Biên Hòa	Đồng Nai
Nhà máy Hóa chất Đồng Nai	Đồng Nai
Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2	Đồng Nai
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa Chất Cơ Bản Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh
Mỏ Bauxit Bảo Lộc	Lâm Đồng

7. Cơ sở Hợp nhất

- Công ty Cổ phần hóa chất Cơ bản Miền Nam lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính - Hướng dẫn thi hành phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

- Danh sách công ty con được hợp nhất:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Phốt Pho Việt Nam	- Địa chỉ: Khu công nghiệp Tầng Lông, Thị trấn Tầng Lông, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai.	65,05%



II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỷ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỷ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

c. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế

Lãi suất thực tế được áp dụng khi chiết khấu dòng tiền giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại để xác định giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi.

Lãi suất thực tế Công ty áp dụng là lãi suất Công ty có thể đi vay bằng khế ước thông thường trong điều kiện sản xuất, kinh doanh diễn ra bình thường và không trái với quy định của Ngân hàng Nhà nước. Công ty xác định mức lãi suất đi vay tại các ngân hàng mà Công ty đang vay nợ ngắn hạn là 7%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.



3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

+ Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- *Lập dự phòng phải thu khó đòi:* Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:* cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05- 20 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 12 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Tài sản cố định vô hình (Phần mềm máy vi tính, TSCĐ vô hình khác)	03 - 10 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuế tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuế tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuế.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuế tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017***10 . Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

11 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12 . Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Trái phiếu chuyển đổi được theo dõi theo từng loại, kỳ hạn, lãi suất và mệnh giá.

Khi phát hành trái phiếu chuyển đổi, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả; cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu; lãi trái phiếu ghi nhận vào chi phí tài chính.

Khi đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không. Nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm tương ứng với số tiền hoàn trả trái phiếu trong trường hợp người nắm giữ trái phiếu không thực hiện quyền chọn đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc ghi tăng vốn chủ sở hữu tương ứng với mệnh giá số cổ phiếu phát hành thêm trong trường hợp người nắm giữ trái phiếu thực hiện quyền chọn đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần chênh lệch giữa giá trị nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

13 . Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phí tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

14 . Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp; doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

- Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

15. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

16. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

18 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

19 . Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

20 . Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21 . Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

01. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
Tiền mặt	1.639.767.578	1.379.074.065
- Công ty mẹ	1.462.304.887	1.260.594.710
- Công ty con	177.462.691	118.479.355
Tiền gửi không ký hạn	83.603.967.001	59.704.661.290
- Tiền gửi (VND)	60.026.399.345	59.022.929.013
+ Công ty mẹ	52.219.099.889	55.797.996.059
+ Công ty con	7.807.299.456	3.224.932.954
- Tiền gửi ngoại tệ (USD và EUR)	23.577.567.656	681.732.277
+ Công ty mẹ	199.015.084	341.896.374
+ Công ty con	23.378.552.572	339.835.903
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	400.000.000.000	422.000.000.000
- Công ty mẹ	395.000.000.000	395.000.000.000
- Công ty con	5.000.000.000	27.000.000.000
Cộng	485.243.734.579	483.083.735.355

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

02 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn (trên 3 tháng và dưới 1 năm)

Cộng

	<i>31/12/2017</i>	<i>01/01/2017</i>
	100.000.000.000	
	100.000.000.000	

03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

a) Ngắn hạn

Công ty Ajinomoto Việt Nam

Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Thương mại Supe Lâm Thao

CN TCT Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV - NM Nước Tân Hiệp

Công ty CP Bột giặt NET

Công ty TNHH Hóa chất và Môi trường Aureole Mitani

Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Ý Cường Thịnh

Công ty TNHH Hóa chất và Môi trường Kim Nguyên

Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau

CN Công ty TNHH Toyota Tsusho Viet Nam tại Hồ Chí Minh

Coromandel International Ltd

Kunming Taijin Commercial & Trade Co.,Ltd

Remy GmbH & Co.Kg

CHEMICAL INITIATIVES (PTY) LTD

CHEMINOVA INDIA LTD

Các đối tượng khác

b) Dài hạn

Cộng

	<i>31/12/2017</i>	<i>01/01/2017</i>
	193.905.174.506	202.221.171.205
	11.005.408.152	5.671.868.352
	7.302.465.350	5.375.937.600
	1.675.973.200	2.829.631.750
	6.960.125.155	3.142.689.880
	7.678.957.770	5.547.192.750
	17.483.757.170	14.533.691.260
	2.529.733.800	2.950.073.280
	2.002.240.350	4.313.756.700
		2.017.554.660
		5.816.230.247
		10.831.034.880
	24.359.888.550	53.546.092.200
	12.219.104.000	19.790.402.400
	29.778.624.000	
	70.908.897.009	65.855.015.246
	193.905.174.506	202.221.171.205

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Trình bày tại thuyết minh VIII.03

04 . PHẢI THU KHÁC

a) Ngắn hạn

Bảo hiểm xã hội

Tạm ứng

Ký cược, ký quỹ

Phải thu về dự lãi tiền gửi

Phải thu khác

b) Dài hạn

Ký cược, ký quỹ

Cộng

	<i>31/12/2017</i>		<i>01/01/2017</i>	
	<i>Gia trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Gia trị</i>	<i>Dự phòng</i>
	8.560.315.894		4.312.027.755	
	30.296.964		9.376.045	
	48.169.000		128.386.125	
	131.500.000		140.372.000	
	3.818.097.223		1.855.805.556	
	4.532.252.707		2.178.088.029	
	17.681.574.425		2.368.447.356	
	17.681.574.425		2.368.447.356	
	26.241.890.319		6.680.475.111	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

05 . TÀI SẢN THIỂU CHỜ XỬ LÝ

	31/12/2017		01/01/2017	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dư phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dư phòng</i>
a) Ngắn hạn				
Hàng tồn kho				
Nguyên vật liệu				
b) Dài hạn				
Cộng				

06 . NỢ XẤU

<i>Tên khách hàng</i>	31/12/2017		01/01/2017	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
<i>Công ty CP VITALY</i>			59.699.994	
<i>Công ty TNHH Fritta Việt Nam</i>			195.250.000	
<i>DNTN Tân Trường An (*)</i>	612.162.100		612.162.100	
<i>Công ty TNHH Phúc An Yên Bình (*)</i>	1.077.385.950		1.077.385.950	
<i>Công ty TNHH SX TM Tư vấn Đầu tư Thiên Lộc (*)</i>	9.919.800		9.919.800	
<i>Trung tâm Điều hành Chương trình Chống Ngập Nước Thành phố</i>			1.978.092.710	
<i>Công ty CP Quốc tế JBI Chem Cà Mau (*)</i>	187.420.000		227.420.000	
<i>Công ty CP Gạch Đông Nam Á</i>			654.043.650	
<i>Công ty TNHH TM&SX Casanova (*) Kunming Taijin Commercial & Trade Co.,Ltd</i>	180.000.000		266.611.800	
	24.359.888.550	9.264.986.860	53.546.092.200	29.493.769.950
Cộng	26.426.776.400		58.626.678.204	

(*) Tại ngày báo cáo, không có thông tin về giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ phải thu này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

07 . HÀNG TỒN KHO	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dư phòng	Giá gốc	Dư phòng
- Hàng đang đi đường			4.219.111.013	
- Nguyên liệu, vật liệu	148.539.517.489	(119.449.499)	115.460.810.630	(2.610.903.097)
- Công cụ, dụng cụ	2.233.814.392		1.522.244.610	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	953.451.774		3.616.266.436	
- Thành phẩm	42.334.218.159	(311.174.158)	100.566.292.695	(15.142.621.679)
- Hàng hóa			8.149.175	
Cộng	194.061.001.814	(430.623.657)	225.392.874.559	(17.753.524.776)

Ghi chú:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: Không có

08 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

- a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn
b) Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017	01/01/2017
- Mua sắm		4.202.257.640
<i>Chi phí đầu tư mua nhà văn phòng giao dịch, nhà khách</i>		4.202.257.640
- Xây dựng cơ bản	590.000.000	590.000.000
<i>Dự án di dời nhà máy tại KCN Biên Hòa</i>	60.000.000	60.000.000
<i>Dự án đầu tư thay thế bình điện phân DD350</i>	530.000.000	530.000.000
- Sửa chữa	5.883.261.204	
<i>Sửa chữa máy móc thiết bị</i>	5.883.261.204	
Cộng	6.473.261.204	4.792.257.640

09 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
a) Ngắn hạn	1.157.170.882	2.094.435.788
Chi phí bảo hiểm	936.515.390	1.017.199.425
Các khoản khác	220.655.492	1.077.236.363
b) Dài hạn	4.341.468.441	3.383.981.665
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	629.967.200	1.044.069.136
Chất xúc tác		1.211.632.054
Chi phí bảo hiểm	48.699.333	
Chi phí sửa chữa lớn	2.988.474.247	318.414.532
Các khoản khác	674.327.661	809.865.943
Cộng	6.595.843.803	5.478.417.453

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
I. Nguyên giá							
1. Số dư đầu kỳ	199.877.733.880	674.699.578.905	24.848.755.469	6.562.517.807		905.988.586.061	
2. Số tăng trong kỳ	4.553.570.371	17.411.784.872	1.222.792.819	168.415.455		23.356.563.517	
- Mua trong kỳ		146.950.000		168.415.455		315.365.455	
- Đầu tư XDCB hoàn thành	2.446.286.259	8.499.304.500	1.222.792.819			12.168.383.578	
- Tăng khác (do điều chỉnh)	2.107.284.112	8.765.530.372				10.872.814.484	
3. Số giảm trong kỳ	9.055.732.656	2.179.508.059		523.846.566		11.759.087.281	
- Chuyển sang CCDC		72.223.947		87.396.566		159.620.513	
- Thanh lý, nhượng bán	726.652.284					726.652.284	
- Giảm khác	8.329.080.372	2.107.284.112		436.450.000		10.872.814.484	
4. Số dư cuối kỳ	195.375.571.595	689.931.855.718	26.071.548.288	6.207.086.696		917.586.062.297	
II. Giá trị hao mòn lũy kế							
1. Số dư đầu kỳ	176.156.412.015	606.442.568.026	17.730.917.882	5.062.894.997		805.392.792.920	
2. Khấu hao trong kỳ	9.638.207.876	32.275.241.796	2.650.977.720	482.460.887		45.046.888.279	
- Khấu hao trong kỳ	9.638.207.876	27.933.734.826	2.694.504.357	482.460.887		40.658.908.146	
- Tăng khác		4.341.506.970	46.473.163			4.387.980.133	
3. Giảm trong kỳ	5.055.295.127	72.223.947	11.194.515	135.539.341		5.274.252.930	
- Chuyển sang CCDC		72.223.947		87.396.566		159.620.513	
- Thanh lý, nhượng bán						726.652.284	
- Giảm khác (do điều chỉnh)	4.328.642.843		11.194.515	48.142.775		4.387.980.133	
4. Số dư cuối kỳ	180.739.324.764	638.645.585.875	20.370.701.087	5.409.816.543		845.165.428.269	
III. Giá trị còn lại							
1. Tại ngày đầu kỳ	23.721.321.865	68.257.010.879	7.117.837.587	1.499.622.810		100.595.793.141	
2. Tại ngày cuối kỳ	14.636.246.831	51.286.269.843	5.700.847.201	797.270.153		72.420.634.028	

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay;

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Đơn vị tính: VND
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu kỳ				557.828.875	1.000.000.000	1.557.828.875
2. Số tăng trong kỳ	1.755.971.381					1.755.971.381
- Mua trong kỳ	1.755.971.381					1.755.971.381
- Tạo ra từ nội bộ DN						
- Tăng khác						
3. Số giảm trong kỳ						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ	1.755.971.381			557.828.875	1.000.000.000	3.313.800.256
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu kỳ				498.669.153	816.666.667	1.315.335.820
2. Khấu hao trong kỳ				40.566.667	100.000.000	140.566.667
- Khấu hao trong kỳ				40.566.667	100.000.000	140.566.667
- Tăng khác						
3. Giảm trong kỳ						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ				539.235.820	916.666.667	1.455.902.487
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu kỳ				59.159.722	183.333.333	242.493.055
2. Tại ngày cuối kỳ	1.755.971.381			18.593.055	83.333.333	1.857.897.769

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: không có

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng:

436.128.875



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

	Trong kỳ				Đơn vị tính: VND	
	31/12/2017	01/01/2017				
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
12. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH						
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	117.199.781.578	117.199.781.578	340.871.331.610	374.850.143.633	151.178.593.601	151.178.593.601
Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP.HCM	53.519.567.541	53.519.567.541	116.898.361.719	84.853.017.458	21.474.223.280	21.474.223.280
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam				4.473.125.800	4.473.125.800	4.473.125.800
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN TP.HCM	30.526.181.797	30.526.181.797	58.107.530.047	90.921.117.641	63.339.769.391	63.339.769.391
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam			14.713.986.100	14.713.986.100		
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Lào Cai	16.315.807.320	16.315.807.320	116.713.904.254	139.754.100.614	39.356.003.680	39.356.003.680
Ngân hàng TMCP Quân đội VN - CN Lào Cai	12.503.062.970	12.503.062.970	29.202.172.710	35.120.996.020	18.421.886.280	18.421.886.280
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Lào Cai			5.013.800.000	5.013.800.000		
Vay đối tượng khác	4.335.161.950	4.335.161.950	221.576.780		4.113.585.170	4.113.585.170
Vay ngắn hạn đến hạn trả	1.505.400.000	1.505.400.000	876.400.000	2.720.396.019	3.349.396.019	3.349.396.019
Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP.HCM	1.505.400.000	1.505.400.000	876.400.000	2.720.396.019	3.349.396.019	3.349.396.019
Cộng:	118.705.181.578	118.705.181.578	341.747.731.610	377.570.539.652	154.527.989.620	154.527.989.620



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

b) Vay dài hạn	31/12/2017		Trong kỳ		01/01/2017		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Trên 1 năm đến 5 năm	6.021.594.012	6.021.594.012	4.460.194.012	876.400.000	2.437.700.000	2.437.700.000	
Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP.HCM	6.021.594.012	6.021.594.012	4.460.194.012	876.400.000	2.437.700.000	2.437.700.000	
Cộng	6.021.594.012	6.021.594.012	4.460.194.012	876.400.000	2.437.700.000	2.437.700.000	
13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN			31/12/2017		01/01/2017		
a) Ngân hạn	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Công ty HHTM Hợp Đạt - Hà Khẩu (TQ) Standard Chemical Corporation Pte Ltd	31.483.281.190	31.483.281.190	43.316.957.698	43.316.957.698	666.408.482	666.408.482	
Công ty TNHH Máy Thiết bị và Xây dựng Hòa Chất			2.177.242.650	2.177.242.650	408.000.000	408.000.000	
Công ty TNHH Xây dựng Vận tải Cầu đường Thanh Lê					454.614.600	454.614.600	
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	11.189.678.496	11.189.678.496	26.109.299.224	26.109.299.224	26.109.299.224	26.109.299.224	
Công ty Cổ phần Victory			4.380.240.320	4.380.240.320		4.380.240.320	
HEKOU LONGTONG IMPORT& EXPORT CO., LTD	6.945.123.050	6.945.123.050					
Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vạn Phúc	1.250.570.050	1.250.570.050					
Phải trả cho các đối tượng khác	12.097.909.594	12.097.909.594			9.121.152.422	9.121.152.422	
b) Dài hạn							
Cộng	31.483.281.190	31.483.281.190	43.316.957.698	43.316.957.698	43.316.957.698	43.316.957.698	

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: không có

d) Phải trả người bán là các bên liên quan: trình bày tại thuyết minh VIII.03

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp/thu trong kỳ	Số đã thực nộp/thu trong kỳ	Đơn vị tính: VND	
				Số cuối kỳ	Số cuối kỳ
a) Phải nộp					
Thuế GTGT	3.985.130.188	69.050.550.791	69.270.210.162	3.765.470.817	
Thuế nhập khẩu		22.452.518.511	22.452.518.511		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.423.741.043	59.050.880.263	53.811.957.030	13.662.664.276	
Thuế tài nguyên		735.699.800	735.699.800		
Tiền thuế đất		100.154.003	100.154.003		
Tiền thuế đấn	2.849.042.563	7.175.291.230	10.024.333.793		
Các loại thuế khác	1.136.134.901	9.911.713.635	7.697.109.406	3.318.332.526	
Thuế môn bài		10.000.000	10.000.000		
Thuế TNCN	1.136.134.901	6.425.228.813	5.851.780.936	1.709.582.755	
Các loại thuế khác		3.308.734.781	1.699.985.013	1.608.749.768	
Các khoản phải nộp khác		135.343.437	135.343.437		
Cộng	16.394.048.695	168.476.808.233	164.091.982.705	20.746.467.619	
b) Phải thu					
Thuế GTGT		2.512.726.807	2.566.586.321	53.859.514	
Thuế xuất, nhập khẩu	160.310.320	13.888.982.999	14.036.159.047	307.486.368	
Thuế TNDN	3.405.622.307	3.405.622.307			
Thuế thu nhập cá nhân	486.777.174	2.266.532.976	2.330.329.358	550.573.556	
Cộng	4.052.709.801	22.073.865.089	18.933.074.726	911.919.438	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

5. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2017	01/01/2017
a) Ngắn hạn	3.604.910.259	5.067.355.848
Trích trước chi phí vận chuyển	271.790.900	1.186.460.020
Trích trước chi phí lãi vay	169.655.708	171.894.324
Trích trước chi phí thuê tài sản	218.181.816	160.363.636
Trích trước chi phí tiền điện	2.799.991.152	3.172.818.298
Trích trước chi phí kiểm toán	90.000.000	194.545.455
Trích trước chi phí khác	55.290.683	181.274.115
b) Dài hạn		
Cộng	3.604.910.259	5.067.355.848

6. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
a) Ngắn hạn	9.279.736.130	875.809.811
Tài sản thừa chờ giải quyết		
Tạm ứng	36.779.496	
Kinh phí công đoàn	507.965.092	503.697.646
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	187.339.591	182.565.521
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	389.237.107	131.367.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	5.591.572.200	41.365.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.566.842.644	16.814.644
b) Dài hạn		
Cộng	9.279.736.130	875.809.811

7. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2017	01/01/2017
a) Ngắn hạn		
Dự phòng phải trả tiền thuê đất	11.378.211.401	1.366.327.740
Quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường	1.392.927.278	594.550.000
b) Dài hạn		
Cộng	12.771.138.679	1.960.877.740

- *) Tổng Công ty Sonadezi đã gửi công văn số 732/SNZ-KT ngày 27/09/2017 về việc điều chỉnh đơn giá thuê đất tại khu công nghiệp Biên Hòa I. Theo đó, Tổng công ty Sonadezi và Công ty sẽ ký kết phụ lục hợp đồng nhằm xác định khoản tiền thuê đất phải thanh toán theo đơn giá mới từ ngày 01/01/2006 đến thời hạn di dời theo quy định. Tổng số tiền thuê đất truy thu theo đơn giá mới từ ngày 01/01/2006 đến ngày 31/12/2017 là 11.378.211.401 VND, Công ty tạm trích chi phí trong kỳ và lập dự phòng phải trả (trong đó năm 2016 đã tạm trích 1.366.327.740 VND).
Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, Công ty và Tổng Công ty Sonadezi vẫn chưa ký kết phụ lục hợp đồng mới điều chỉnh đơn giá thuê đất. Do đó, Công ty chưa có cơ sở chắc chắn để ghi nhận khoản phải trả.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	442.000.000.000	9.506.484	22.951.530.000	(25.413.193.278)	11.342.328.177	5.272.179.147	128.687.924.419	584.850.274.949	
Tăng vốn trong năm trước							176.283.794.975	176.283.794.975	
Lãi trong năm trước					52.758.104.167	6.676.942.575	(59.435.046.742)		
Tăng do trích lập từ lợi nhuận							(16.388.140.166)	(16.388.140.166)	
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi							(61.880.000.000)	(61.880.000.000)	
Chia cổ tức							(296.795.716)	(296.795.716)	
Giảm khác									
Số dư đầu năm nay	442.000.000.000	9.506.484	22.951.530.000	(25.413.193.278)	64.100.432.344	11.949.121.722	166.971.736.770	682.569.134.042	
Tăng vốn trong kỳ này									
Lãi trong kỳ này							240.235.301.283	240.235.301.283	
Tăng do trích từ lợi nhuận									
Tăng khác									
Trích quỹ từ lợi nhuận (Quỹ đầu tư phát triển)					52.825.136.205		(52.825.136.205)		
Trích quỹ từ lợi nhuận (Quỹ khen thưởng, phúc lợi)							(13.632.597.081)	(13.632.597.081)	
Lỗ trong kỳ này									
Chia cổ tức							(114.920.000.000)	(114.920.000.000)	
Thủ lao ban điều hành							(353.250.000)	(353.250.000)	
Giảm khác									
Số dư cuối năm nay	442.000.000.000	9.506.484			116.925.568.549	11.949.121.722	225.476.054.767	793.898.588.244	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	31/12/2017	%	01/01/2017	%
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	287.310.000.000	65,00%	287.310.000.000	65,00%
Vietnam Investment Property Holdings	32.267.740.000	7,30%	33.167.740.000	7,50%
Vốn góp của các đối tượng khác	122.422.260.000	27,70%	121.522.260.000	27,49%
Cộng	442.000.000.000	100%	442.000.000.000	100%

e) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu kỳ	442.000.000.000	442.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ		
- Vốn góp giảm trong kỳ		
- Vốn góp cuối kỳ	442.000.000.000	442.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	114.920.000.000	61.880.000.000

d) Cổ phiếu	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	44.200.000	44.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	44.200.000	44.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	44.200.000	44.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	44.200.000	44.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	44.200.000	44.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

e) Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

f) Các quỹ của công ty:	31/12/2017	01/01/2017
Quỹ đầu tư phát triển	116.925.568.549	64.100.432.344
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	11.949.121.722	11.949.121.722

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	31/12/2017	01/01/2017
- Dollar Mỹ (USD)	1.031.998,29	30.012,47
- Bảng Anh (EUR)	6.695,28	3,33



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
a) Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	1.342.675.499.448	1.440.158.583.979
Doanh thu bán hàng hóa	113.171.714.332	96.612.987.490
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.010.136.713	4.360.486.089
Cộng	1.465.857.350.493	1.541.132.057.558

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: trình bày tại thuyết minh VIII.03

02 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2017	Năm 2016
Chiết khấu thương mại		
Giảm giá hàng bán		
Hàng bán bị trả lại		
Cộng		

03 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
Giá vốn của thành phẩm đã bán	971.664.837.252	1.064.955.772.784
Giá vốn của hàng hóa đã bán	94.501.831.854	71.537.998.449
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	4.240.747.054	
Các khoản điều chỉnh giá vốn hàng bán (xử lý kiểm kê)	(3.216.126.503)	(5.056.671.475)
Hoàn nhập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(17.305.851.563)	
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		5.153.994.159
Cộng	1.049.885.438.094	1.136.591.093.917

04 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	23.455.207.987	17.430.079.661
Lãi chênh lệch tỷ giá	836.883.016	1.952.933.153
Cộng	24.292.091.003	19.383.012.814

05 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền vay	3.860.389.887	8.086.380.512
Lỗ chênh lệch tỷ giá	495.214.491	723.599.097
Cộng	4.355.604.378	8.809.979.609

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

06 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
16.1. Chi phí bán hàng		2.582.884.627
Chi phí nhân viên	3.540.222.843	2.587.891.793
Chi phí vật liệu, bao bì, CCDC	2.397.952.971	830.024.200
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.003.906.003	6.275.885.646
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.765.935.092	58.425.873.714
Hoàn nhập dự phòng rủi ro bảo vệ môi trường		(574.170.543)
Chi phí bằng tiền khác	7.948.103.991	8.623.853.185
Cộng	73.656.120.900	76.169.357.995

16.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	18.396.538.646	22.476.906.978
Chi phí vật liệu, bao bì, CCDC	1.032.375.546	317.469.038
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.603.542.374	3.469.639.219
Thuế, phí và lệ phí	8.521.479.070	5.126.362.122
Chi phí dự phòng phải trả tiền thuê đất	10.011.883.661	
Dự phòng phải thu khó đòi	1.797.421.550	26.512.066.575
Hoàn nhập dự phòng	(10.528.438.734)	(1.797.421.550)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.303.954.046	5.925.983.661
Chi phí bằng tiền khác	13.591.847.889	15.939.621.556
Lợi thế doanh nghiệp		18.939.838.336
Cộng	51.730.604.048	96.910.465.935

07 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
Phế liệu, phế phẩm	662.695.616	617.660.320
Tiền phạt vi phạm hợp đồng thu được	187.395.434	
Thu bồi thường		6.273.765
Thu thanh lý TSCĐ		20.174.207
Thu nhập khác	3.000.000	
Cộng	853.091.050	644.108.292

08 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí khấu hao TSCĐ ngừng hoạt động	2.761.495.155	7.120.798.108
Chi phí đền bù hoa màu tại Mỏ Bauxit Bào Lộc		4.157.314.439
Phạt chậm nộp thuế	129.679.675	2.455.935.486
Chi phí phạt khác	233.599.092	3.630.000
Cộng	3.124.773.922	13.737.678.033

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

09 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	432.319.563.887	450.282.515.279
Chi phí nhân công	166.627.036.172	164.249.965.099
Chi phí khấu hao tài sản cố định	40.799.474.813	82.011.883.438
Chi phí dịch vụ mua ngoài	314.615.749.004	383.830.349.129
Chi phí bằng tiền khác	116.462.430.273	108.627.563.530
Cộng	1.070.824.254.149	1.189.002.276.475

10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	62.456.502.570	48.571.995.013
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	62.456.502.570	48.571.995.013

11. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế		18.164.822
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	18.164.822

12. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	240.235.301.283	176.283.794.975
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	18.578.174.287	13.632.597.081
CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	44.200.000	44.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	5.015	3.680

- (*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2016 trên báo cáo tài chính này so với báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016 thay đổi do hồi tố chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông và số trích thực tế quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-ĐHCD ngày 21/04/2017 (hồi tố chỉ tiêu năm trước theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính). Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017 được ước tính theo số liệu năm 2016, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay có thể bị thay đổi khi có quyết định chính thức.

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

01 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có

02 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: không có

03 . Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm 2017	Năm 2016
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	345.316.104.053	578.674.458.733

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

04 . Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	377.570.539.652	632.034.961.166

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có

02 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

03 . Thông tin về các bên liên quan

3.1. Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
 Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
 Công ty Cổ phần Bột giặt NET
 Công ty Cổ phần Bột giặt LIX
 Công ty Cổ phần Pin - Acquy Miền Nam
 Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ
 Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
 Công ty CP XNK Hóa chất Miền Nam
 Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ Que hàn

Mối quan hệ

Công ty mẹ
 Cùng Tập đoàn
 Cùng Tập đoàn
 Cùng Tập đoàn
 Cùng Tập đoàn
 Cùng Tập đoàn
 Cùng Tập đoàn
 Cùng Tập đoàn
 Cùng Tập đoàn



3.2. Giao dịch với các bên liên quan

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm 2017 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị (VND)
Công ty CP Pin - Acquy Miền Nam	Cùng tập đoàn	Bán hàng	16.755.066.700
Công ty CP Bột giặt LIX	Cùng tập đoàn	Bán hàng	4.789.885.000
Công ty CP Bột giặt NET	Cùng tập đoàn	Bán hàng	35.584.072.380
Công ty CP Phân Bón và Hóa chất Cần Th	Cùng tập đoàn	Bán hàng	9.821.631.700
Công ty CP Hơi kỹ nghệ Que hàn	Cùng tập đoàn	Bán hàng	21.400.000
Công ty CP Công nghiệp Hóa chất Tây N	Cùng tập đoàn	Bán hàng	243.926.800
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Công ty mẹ	Mua hàng	1.347.627.272
Công ty CP Phân Bón Miền Nam	Cùng tập đoàn	Mua hàng	924.371.618
Công ty CP Hơi kỹ nghệ Que hàn	Cùng tập đoàn	Mua hàng	79.526.000
Công ty CP XNK Hóa chất Miền Nam	Cùng tập đoàn	Mua hàng	1.200.155.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

- Tại ngày 31/12/2017, tình hình công nợ giữa Công ty với các bên có liên quan như sau:

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Phải thu khách hàng		
Công ty CP Bột giặt NET	6.960.125.155	3.142.689.880
Công ty CP Bột giặt LIX	19.554.700	7.515.200
CN Công ty CP Bột giặt LIX tại Bình Dương	508.260.500	297.435.600
Công ty CP Phân Bón và Hóa chất Cần Thơ	1.746.149.020	938.096.170
CN Công ty CP Pin Ác quy Miền Nam - XN Ác quy Đồng Nai	562.862.190	342.086.910
CN Công ty CP Pin Ác quy Miền Nam - XN Ác quy Đồng Nai 2	1.472.929.660	681.937.740
CN Công ty CP Pin Ác quy Miền Nam - XN Ác quy Sài Gòn	236.804.480	231.262.900
Công ty CP Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh	80.974.480	71.298.480
Trả trước cho người bán		
CN Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	706.200.000	706.200.000
Phải trả người bán		
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	229.200.000	176.400.000
- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt		
	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát	5.498.212.209	4.839.465.341

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

04. Báo cáo bộ phận

a) Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất công nghiệp hóa chất và kinh doanh sản phẩm hóa chất. Các thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 là liên quan đến hoạt động sản xuất chính của Công ty.

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017

	Công ty mẹ tại TP.HCM	Công ty con tại Lào Cai	Loại trừ	Tổng cộng
Tài sản				
Tài sản bộ phận	984.662.178.178	156.201.520.848	(52.036.968.078)	1.088.826.730.948
Tổng tài sản hợp nhất	984.662.178.178	156.201.520.848	(52.036.968.078)	1.088.826.730.948
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	195.430.258.731	84.755.683.468	(10.229.824.800)	269.956.117.399
Tổng nợ phải trả hợp nhất	195.430.258.731	84.755.683.468	(10.229.824.800)	269.956.117.399

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm 2017:

	Công ty mẹ tại TP.HCM	Công ty con tại Lào Cai	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu thuần	1.095.915.249.273	384.698.095.383	(14.755.994.163)	1.465.857.350.493
Doanh thu hoạt động tài chính	43.583.485.485	1.758.437.318	(21.049.831.800)	24.292.091.003
Chi phí SXKD	827.643.620.732	366.740.140.851	(14.755.994.163)	1.179.627.767.420
- Giá vốn hàng bán	715.502.783.391	349.138.648.866	(14.755.994.163)	1.049.885.438.094
- Chi phí tài chính	3.362.355.672	993.248.706		4.355.604.378
- Chi phí bán hàng	60.471.659.830	13.184.461.070		73.656.120.900
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	48.306.821.839	3.423.782.209		51.730.604.048
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	311.855.114.026	19.716.391.850	(21.049.831.800)	310.521.674.076
Lỗ trong công ty liên kết, liên doanh				
Lợi nhuận khác	(2.527.432.635)	255.749.763		(2.271.682.872)
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	309.327.681.391	19.972.141.613	(21.049.831.800)	308.249.991.204

b) Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

05. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.12 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Công nợ tài chính

	31/12/2017	01/01/2017
Các khoản vay	124.726.775.590	156.965.689.620
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	485.243.734.579	483.083.735.355
Nợ thuần	(360.516.958.989)	(326.118.045.735)
Vốn chủ sở hữu	818.870.613.549	713.293.792.196
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	(0,44)	(0,46)
Cộng	(0,44)	(0,46)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017	01/01/2017
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	485.243.734.579	483.083.735.355
Phải thu khách hàng và phải thu khác	220.147.064.825	208.901.646.316
Các khoản đầu tư tài chính	100.000.000.000	
Cộng	805.390.799.404	691.985.381.671
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	124.726.775.590	156.965.689.620
Phải trả người bán và phải trả khác	40.763.017.320	44.192.767.509
Chi phí phải trả	3.604.910.259	5.067.355.848
Cộng	169.094.703.169	206.225.812.977

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

06. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty:

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức độ mà Ban giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Tại ngày 31/12/2017	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	31.483.281.190			31.483.281.190
Người mua trả tiền trước	698.355.552			698.355.552
Vay và nợ	118.705.181.578	6.021.594.012		124.726.775.590
Phải trả người lao động	48.426.725.664			48.426.725.664
Chi phí phải trả	3.604.910.259			3.604.910.259
Các khoản phải trả phải nộp khác	9.279.736.130			9.279.736.130
Cộng	212.198.190.373	6.021.594.012		218.219.784.385

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền tệ trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro khác.

Các phân tích về độ nhạy dưới đây được trình bày trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Độ nhạy của ngoại tệ:

Công ty thực hiện đánh giá chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 tại thời điểm cuối năm kết thúc tại ngày 31/12/2017, tỷ giá dùng để đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của các tài khoản tiền tệ là tỷ giá thực tế của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản thực hiện giao dịch, do đó Công ty không thực hiện tính độ nhạy của ngoại tệ.

- Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

d. Rủi ro về cổ phiếu

Cổ phiếu của Công ty năm giữ bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về cổ phiếu là không đáng kể.

07. Thông tin về điều chỉnh hồi tố số dư đầu kỳ:

Theo Biên bản của Kiểm toán nhà nước ngày 12/08/2017 và thông báo số 75/TB-KTNN ngày 10/01/2018, Công ty thực hiện điều chỉnh một số chỉ tiêu đầu năm của Bảng cân đối kế toán cho năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 31/12/2016, số liệu của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ kết thúc cùng ngày như sau:

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu báo cáo	Số điều chỉnh (KKN)	Số sau điều chỉnh
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
TÀI SẢN					
1	Phải thu ngắn hạn khác	136	4.130.757.980	181.269.775	4.312.027.755
2	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(27.305.709.544)	1.797.421.550	(25.508.287.994)
3	Tài sản thiếu chờ xử lý	139	88.537.154	(88.537.154)	
4	Hàng tồn kho	141	225.670.459.085	(277.584.526)	225.392.874.559
5	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(17.998.069.776)	244.545.000	(17.753.524.776)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

TT	Chi tiêu	Mã số	Số liệu báo cáo	Số điều chỉnh (KKNN)	Số sau điều chỉnh
NỢ PHẢI TRẢ					
6	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14.630.727.122	1.763.321.573	16.394.048.695
7	Phải trả ngắn hạn khác	319	1.274.115.306	(398.305.495)	875.809.811
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	7.345.110.630	(5.384.232.890)	1.960.877.740
NGUỒN VỐN					
9	LNST chưa PP kỳ này	421b	134.759.130.366	5.876.331.457	140.635.461.823
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1	Giá vốn hàng bán	11	1.141.677.885.079	(5.086.791.162)	1.136.591.093.917
2	Chi phí bán hàng	24	76.743.528.538	(574.170.543)	76.169.357.995
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	98.707.887.485	(1.797.421.550)	96.910.465.935
4	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	46.989.943.215	1.582.051.798	48.571.995.013
5	LNST thu nhập doanh nghiệp	60	174.474.111.883	5.876.331.457	180.350.443.340
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ					
LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1	Lợi nhuận trước thuế	01	221.482.219.920	7.458.383.255	228.940.603.175
2	Các khoản dự phòng	03	39.021.432.509	(7.426.199.440)	31.595.233.069
3	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	27.033.111.666	(92.732.621)	26.940.379.045
4	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	44.642.500.243	277.584.526	44.920.084.769
5	Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(33.903.630.635)	(217.035.720)	(34.120.666.355)

08. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm 2017, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

09. Thông tin về số liệu so sánh:

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Kiểm Toán và Định Giá Việt Nam kiểm toán.

Người lập biểu



PHẠM THỊ THU HẰNG

Kế toán trưởng



LÊ THỊ NGỌC DIỆP

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2018

Tổng Giám đốc




NGUYỄN HỮU THỌ

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Tp. HCM, ngày tháng 03 năm 2018

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HỮU THỌ





HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM



Số 22 Đường
Lý Tự Trọng,
Phường Bến
Nghé, Quận 1,
Tp. HCM



Telephone
(028) 3829 6620
Fax:
(028) 3824 3166



Website:
www.sochemvn.com